

Những Tôn Giáo, Lý Thuyết Thần Quyền

Nguyễn Ngọc Huy

Mục Lục

| | |
|--|-----------|
| I- SỰ PHÁT-SANH CỦA NHỮNG TÔN-GIÁO, LÝ-THUYẾT THẦN QUYỀN | 1 |
| A- Ý-NIỆM LINH-HỒN | |
| B- Ý-NIỆM THẦN-MINH | |
| C- Ý-NIỆM VẬT-TỔ | |
| D- Ý-NIỆM VỀ VỊ THẦN BẢO-VỆ ĐOÀN-THỂ | |
| Đ- Ý-NIỆM THƯỢNG-ĐẾ | |
| E- SỰ PHÁT-TRIỂN CỦA TINH-THẦN ĐẠO-ĐỨC. | |
| II- THỬ KHẢO-SÁT VỀ MỘT VÀI TÔN-GIÁO QUAN TRỌNG TRÊN THẾ- GIỚI. | 5 |
| A- ĐẠO BA-LA-MON, PHẬT-GIAO VÀ ẮN-ĐỘ-GIAO | |
| 1- KINH PHỆ-ĐA VA ĐẠO BA-LA-MON | |
| 2- PHẬT-GIÁO | |
| 3- ẮN-ĐỘ-GIÁO | |
| B- NHO-GIÁO VÀ ĐẠO-GIÁO | |
| 1- NHO-GIÁO | |
| 2- ĐẠO-GIÁO | |
| C- THIÊN-CHỨA-GIÁO VÀ HỒI-GIÁO. | |
| 1- THIEN-CHUA-GIAO | |
| 2- HỒI-GIÁO | |
| III- VAI-TUỒNG VÀ ẮNH-HƯỞNG CỦA CÁC TÔN-GIÁO ĐỐI VỚI XÃ-HỘI | 20 |
| A- VAI TUỒNG VÀ ẮNH-HƯỞNG CỦA CÁC TÔN-GIÁO ĐỐI VỚI XÃ-HỘI CỔ-THỜI. | |
| B- VAI-TUỒNG VÀ ẮNH-HƯỞNG CỦA TÔN-GIÁO TRONG XÃ-HỘI CẬN-ĐẠI | |
| IV- THÁI-ĐỘ CHÁNH-TRỊ HỢP-LÝ NHỨT ĐỐI VỚI CÁC GIÁO-LÝ THẦN-QUYỀN. | 23 |

I- SỰ PHÁT-SANH CỦA NHỮNG TÔN-GIÁO, LÝ-THUYẾT THẦN QUYỀN

Trong sự hoạt-động không ngừng của mình để sinh-tồn và tiến-hóa, loài người đã nhờ một khả-năng đặc-biệt mà vượt lên trên mọi loài sanh-vật khác rất xa. Khả-năng đó là trí khôn của người. Trí khôn này không phải chỉ lo giải-quyết những vấn-đề trực-tiếp cần-thiết cho đời sống của người. Nó còn đưa người đến chỗ tìm hiểu những lý lẽ, những nguyên-nhơn của sự vật.

Cổ-nhiên là sự suy-tưởng của người không phải đạt ngay được mực hoàn toàn từ khi phát-hiện. Lúc ban đầu, những tri-thức của người về thế-giới ngoại quan hã còn thô-sơ lắm và những tư-tưởng của người, ngay đến những tư-tưởng rất sâu sắc và có một lập-luận rất chặt chẽ, cũng vẫn dựa vào một nền tảng

mơ-hồ không vững chắc. Chỉ sau khi khảo sát kỹ càng về sự vật chung quanh mình và về ý-thức mình, người mới tiến đến những tri-thức thực-nghiệm và lý-luận của người mới có một cơ-sở khoa-học hơn.

Nói một cách khái-quát, những tôn-giáo là kết-quả sự cố gắng của người để giải-thích sự vật lúc người vừa thoát khỏi thú tánh, lúc tư-tưởng người chưa đạt được trình-độ chánh xác và chắc chắn của khoa-học. Sự phát-sanh của các tôn-giáo thật ra rất là phức-tạp, và hiện giờ, chúng ta thiếu những tài-liệu cần-thiết để phác lại lịch-trình cấu-tạo của nó một cách rõ ràng, đứng đắn. Tuy thế, sự khảo-sát về phong-tục và tư-tưởng của những nhóm người còn lạc-hậu, và sự nghiên-cứu về đời sống tâm-lý của người, đã giúp những nhà khoa-học nêu ra những giả-thuyết có thể xem là phù-hợp với sự thật về vấn-đề này.

A- Ý-NIỆM LINH-HỒN

Một trong những sự-kiện làm phát-sanh ra những tôn-giáo là sự nhận có linh-hồn. Người cổ-sơ thấy rằng khi mình thức và tỉnh-táo, mình có ý-thức, và nhận-chơn được bản-ngã thường-nhứt của mình. Những khi ngủ hay bất-tỉnh, trái lại, người mê man không cảm thấy gì cả, hay có chiêm bao mà cảm thấy điều kia việc nọ thì những trí-thức của người cũng không phù-hợp với cái bản-ngã bình-thường của mình. Điều này làm cho người nghĩ rằng ngoài thể-xác, còn có một nguyên-tố khác tạo nên mình. Nguyên-tố đó là linh-hồn. Khi người thức và tỉnh-táo, linh-hồn ở trong thể-xác người, khi người ngủ hay bất-tỉnh, linh-hồn tạm rời khỏi thể-xác ấy.

Trong những giấc chiêm bao của mình, người cổ-sơ nhiều khi lại thấy những người quen thuộc đã chết. Giữa giấc chiêm bao, họ thường ngộ-nhận rằng những kẻ ấy còn sống như mình. Chỉ khi tỉnh dậy, họ mới nhớ rằng những kẻ ấy không còn ở cõi đời và không thể gặp được trong thế-giới này nữa. Do đó, họ nghĩ rằng khi người chết, chỉ có thể-xác người là tan rã, còn linh-hồn thì tồn-tại mãi.

Những linh-hồn này vô-hình đối với người thường, nhưng vẫn ở chung quanh họ; nó cũng có những tình-cảm, nhu-cầu như người sống, và có thể hại đến tánh-mạng người sống. Đối với những linh-hồn không hình không ảnh, chỉ có thể gặp được trong chiêm bao, người hoàn toàn bất-lực. Phương-pháp duy-nhứt của người để đối-phó với các linh-hồn ấy là thỏa mãn những nhu-cầu của nó, và tỏ ra phục-tùng nó để nó không phá-hoại mình. Vì đó, người nghĩ đến việc thờ phụng những linh-hồn người chết.

B- Ý-NIỆM THẦN-MINH

Một mặt khác, người cổ-sơ nhận thấy rằng phần lớn những vật ở quanh mình đều biến hình hay chuyển động, hoặc có những hình dáng lúc thì oai-nghiêm, lúc thì hùng-vĩ lúc thì đáng ghê rợn. Mặt trời, mặt trăng và các vị tinh-tú luân phiên lặn mọc; núi non rừng rú và mặt đất cùng biển cả hiện ra dưới những ảnh-tượng khác nhau tùy mùa, tùy lúc; bầu trời khi thì quang-đăng, mây bay gió thổi nhẹ nhàng, khi thì đen tối âm u, với bão tố, với sấm sét đùng đùng. Từng ấy hiện-tượng đánh mạnh vào trí óc người.

Vì không hiểu rõ những cơ-cấu tác-động của các lực-lượng thiên-nhiên trên này, và thấy rằng những tác-động đó khi thì có lợi, khi thì có hại cho mình, người cổ-sơ cho rằng sau mỗi lực-lượng, đều có một nguyên-lý thiêng liêng điều-khiển. Nguyên-lý này là vị thần-minh vô-hình và có nhu-cầu, tình-cảm như

linh-hồn người chết, nhưng có oai-quyền và thế-lực hơn linh-hồn người chết rất nhiều. Đối với thần-minh, người cũng không có cách nào đối-phó lại, ngoài việc tế-lễ tôn-sùng họ để họ thương tình mà tha thứ hay tin yêu mà bảo-vệ cho mình.

C- Ý-NIỆM VẬT-TỔ

Trong sự vật lộn với vạn-vật để mưu-cầu sự sống, người phải đụng chạm với nhiều loài khác. Có nhiều loài thực-vật và nhất là động-vật làm cho người kinh sợ hay cảm-phục. Với tâm-hồn mộc-mạc của mình, người cổ-sơ tưởng rằng nếu mình ăn thịt những loài vật ấy, hoặc trá hình cho giống nó, mình cũng có những đức-tánh như nó, hay được nó cho rằng mình đồng-loại với nó mà không sát-hại mình.

Người Việt-tộc ngày xưa làm nghề chài lưới nên thường hay lặn lội dưới sông dưới biển. Họ rất sợ giống giao-long, tức là một loại thường luồng cá sấu, làm hại mình. Vì đó, họ xâm mình cho giống nó và lần lần đi đến chỗ cho rằng mình thuộc chủng-tộc giao-long.

Về sau, một chi-nhánh Việt-tộc đến đất Phước-kiến. Thường năm, họ hay đáp thuyền vượt biển đi lại từ đất căn-cứ đến các miền duyên-hải ở phương nam, như Hải nam, Bắc-Việt, có lẽ cả Nam-dương quần-đảo nữa. Mùa gió bắc, họ khởi-hành, đến gió nồm, họ lại trở về quê quán. Trong những lần vượt biển như vậy, họ tự so sánh mình với những đàn chim lạc, một giống hậu-điều thuộc loại ngỗng trời, cũng mỗi năm theo gió bắc bay về bờ biển phương nam, và đến mùa gió nồm thì bay trở về đất cũ. Do đó, họ mang lông chim lạc để giả làm giống chim ấy. Sau đó, họ thờ chim lạc làm vật-tổ, lấy tên nó làm tên bộ-lạc mình và tự gọi mình là dân tộc Lạc-Việt. Họ là thủy-tổ của dân-tộc Việt-nam ta.

Dấu vết của sự thờ phụng vật-tổ trên này hãy còn trong lịch sử nước ta, với những truyền-thuyết cho rằng nòi giống ta là con cháu Rồng Tiên, với những tên Lạc-Long quân và Lạc-Vương, mà ta dùng để gọi những vị vua đầu tiên của đất nước ta.

Có khi vật-tổ là một con vật đóng vai tuồng quan-trọng trong sự sống của dân, hay đã giúp ích rất nhiều cho người quốc-tổ. Sự thờ phụng vật-tổ thường làm cho mối dây liên-lạc quan-trọng cho tất cả mọi người trong một bộ-lạc, một thị-tộc, có khi đến cả một tiểu-bang. Người cổ-sơ phải giữ nhiều qui-tắc đối với vật-tổ. Thường, họ phải tỏ ý tôn-sùng vật-tổ, không bao giờ phạm đến nó, nhưng cũng có nhiều bộ-lạc được phép ăn thịt vật-tổ trong một thời kỳ nhất-định mỗi năm để nhờ đó mà có được những đức-tánh quý báu của vật-tổ.

D- Ý-NIỆM VỀ VỊ THẦN BẢO-VỆ ĐOÀN-THỂ

Khi xã-hội tiến đến một trình-độ văn-minh cao hơn, ý-niệm vật-tổ lần lần phai mờ trong trí người, và được thay thế bằng ý-niệm về một vị thần đặc-biệt bảo-vệ đoàn-thể. Vị thần này có thể là người lãnh tụ đầu tiên đã điều-khiển đoàn-thể hay là một vị anh-hùng của đoàn-thể, nhưng cũng có thể là một vị thần tưởng-tượng ra, hay một vị thần nguyên-lý của lực lượng thiên-nhiên được đoàn-thể thờ cúng.

D- Ý-NIỆM THƯỢNG-ĐẾ

Những ý-tưởng về linh-hồn, về thần-minh, về vật-tổ, về vị thần bảo-vệ đoàn-thể thường trộn lộn vào nhau. Nó tạo ra trong trí người một thế-giới vô hình đầy những nhơn-vật quyền-năng rất lớn đối với võ-trụ và nhứt là đối với người.

Ban đầu, người thờ cúng tất cả những ma quỷ thần thánh như nhau. Nhưng sự quan-sát bộ máy cai-trị chung quanh mình cho người thấy rằng xã-hội nào cũng có trật-tự, có các cấp bậc cao thấp.

Những thị-tộc đều có người tộc-trưởng cầm đầu. Những bộ-lạc do các thị-tộc liên minh nhau lại để lập thành thì có người tù-trưởng chỉ-huy. Những tiểu-bang và quốc-gia, kết-quả sự thôn-tính lẫn nhau hay sự thông-hôn giữa những bộ-lạc, cũng có vị lãnh-chúa hay quốc-vương điều-khiển. Những tộc-trưởng, tù-trưởng có thể còn được dung-nạp trong tiểu-bang và cai-trị thị-tộc hay bộ-lạc mình dưới quyền lãnh-chúa hay quốc-vương.

Những điều này đưa người đến ý nghĩ sắp hạng các nhơn-vật của thế-giới vô-hình. Bên trên những vị thần-minh, những linh-hồn người chết, người cổ-sơ tưởng-tượng ra một vị thần có quyền-lực tối-cao, điều-khiển tất cả những thần-minh và linh-hồn người chết, điều-khiển cả những lực-lượng thiên-nhiên và võ-trụ. Vị thần này thường là vị thần bảo-vệ cho đoàn-thể đã thực-hiện được sự thống-nhứt các bộ-lạc để lập nên tiểu-bang hay quốc-gia. Nhưng đó cũng có thể là một nhơn-vật khác hơn tất cả những vị thần-minh sẵn có: đó là Trời hay Thượng-Đế.

Khi tư-tưởng người đã tiến đến một mực cao hơn, người suy nghĩ sâu xa hơn về võ-trụ trong đó mình sống. Điều người nhận thấy trước hết là nó rất minh-mông vĩ-đại, nhưng lại rất có trật-tự, rất điều-hòa. Người nghĩ rằng một công-trình tinh-xảo như vậy không thể nào do sự ngẫu-nhiên mà cấu tạo được. Do đó mới phát-sanh ý-tưởng cho rằng nhứt-định phải có một đứng toàn-thiện toàn-năng sáng-tạo ra muôn vật. Đứng Tạo-hóa này tất-nhiên phải là ông Trời, vị Thượng-Đế người đã tôn thờ.

Trong khi một số đông dân-tộc giữ mãi lòng tin tưởng nơi nhiều vị thần-minh, một vài giống dân, sau khi có ý-niệm về Thượng-Đế khai sáng võ-trụ rồi, thì hướng về thuyết độc-thần. Theo thuyết này, ngoài Thượng-Đế ra, không còn có vị thần-minh nào khác nữa, và con người chỉ nên thờ cúng một mình Thượng-Đế mà thôi.

Buổi đầu, đứng Thượng-Đế do người tưởng-tượng là một nhơn-vật có hình thể giống như người, lắm khi lại có những nhu-cầu, xúc cảm, tánh-tình như người nữa. Nhưng sau đó, những triết-gia lần lần trừu-tượng-hóa hình ảnh Thượng-Đế, và cuối cùng, xem Thượng-Đế như là một nguyên-lý linh thiêng, ở đâu cũng có và lúc nào cũng có, nhưng không có hình-thể tánh-chất như người.

E- SỰ PHÁT-TRIỂN CỦA TINH-THẦN ĐẠO-ĐỨC.

Với ý-niệm mới này về Thượng-Đế, những tôn-giáo bắt đầu có một nền triết-lý uyên-thâm. Nền triết-lý này có khi đi đến chỗ không công-nhận Thượng-Đế, cho dẫu là dưới hình thức một nguyên-lý vi-diệu. Tuy thế, nó vẫn nhuộm màu huyền-bí và không đạt được tánh-cách rõ ràng của khoa-học. Nhưng đầu sao nó cũng đưa đến cho tư-tưởng người một yếu-tố mới là một nền đạo-đức trước kia chưa có.

Người cổ-sơ chỉ thờ cúng tôn-sùng các linh-hồn, các vị thần-minh hay Thượng-Đế với mục-đích mua cảm-tình những đứng thiêng liêng để khỏi bị những đứng ấy trừng-phạt, hay hơn nữa, để được những đứng ấy bảo-trợ, phù-trì cho. Với một nền-tảng triết-lý cao hơn, các tôn-giáo đưa người đến ý-niệm tu-thân để xứng-đáng với Ngài, để có thể hòa-hợp hồn mình với linh-hồn Thượng-Đế. Điều này giúp người tiến một bước khá dài trên địa-hạt tinh-thần và làm cho nhơn-loại được thuần-lương hơn trước.

II- THỬ KHẢO-SÁT VỀ MỘT VÀI TÔN-GIÁO QUAN TRỌNG TRÊN THẾ- GIỚI.

Những tư-tưởng thần-quyền đã phát-sanh nơi tất cả mọi dân-tộc trên thế-giới. Nguyên tắc căn-bản của tư-tưởng ấy là lòng tin nơi một thế-giới vô-hình với những nhơn-vật có nhiều quyền-năng đối với võ-trụ và đời sống con người. Nó chung cho tất cả mọi giống dân. Tuy thế, về phương-diện thực-hành, những hình-thức tôn-giáo khác nhau vô-cùng tùy xã-hội, tùy thời-đại.

Nghiên-cứu tường-tận tất cả những hệ-thống tư-tưởng thần-quyền trong nhơn-loại từ xưa đến nay là một việc làm phức-tạp mà không ích-lợi gì nhiều. Để thấy rõ tánh-cách của những lý-thuyết thần-quyền, chúng ta chỉ cần khảo-sát qua những tôn-giáo quan-trọng hiện còn được sùng-mộ trên thế-giới.

A- ĐẠO BA-LA-MON, PHẬT-GIAO VA ẤN-ĐỘ-GIAO

Dân Ấn-độ là một giống dân có một óc thần-bí mạnh mẽ vô-cùng. Tư-tưởng tôn-giáo của họ rất uyên-thâm và ảnh-hưởng tôn-giáo đối với họ mãi đến ngày nay mà hãy còn hết sức trọng-đại.

1- KINH PHỆ-ĐA VA ĐẠO BA-LA-MON

a- CÁC KINH ĐIỂN

Những di-tích cổ nhứt về nền tư-tưởng Ấn-độ gồm lại trong bốn quyển sách Phệ-đà (Védas) mà người Ấn xem như là những thánh kinh. Sách này chép những lời cầu nguyện, những bài thánh-ca, những câu thần chú liên-quan đến sự tế-lễ và việc gìn giữ ngọn lửa thiêng. Qua những sách này, người ta có thể biết được rằng thời cổ người Ấn-độ nhơn-cách-hóa và thờ cúng làm thần-minh những lực-lượng thiên-nhiên mà họ thấy chung quanh họ.

Những tư-tưởng thô-sơ này lần lần tiến-hóa để biến thành đạo Bà-la-môn vào khoảng từ thế-kỷ thứ 12 đến thế-kỷ thứ 6 trước Công-nguyên. Những kinh-điển của mỗi đạo mới ấy gồm những sách viết bằng văn xuôi chú-thích những sách Phệ-đà và luận về mọi vấn-đề trong võ-trụ và xã-hội.

b- QUAN-NIỆM VỀ PHẠN-THIÊN

Trong các sách này, các vị thần cổ nhường chỗ cho Phạn-thiên (Brahma). Đó là linh-hồn của võ-trụ làm nguyên-lý cho mọi vật và hiển-hiện ở mọi vật. Phạn-thiên khi thì phân-biệt với vật-chất hữu-hình, khi thì hoà-hợp với vật-chất, khi thì khác với linh-hồn riêng mỗi vật, khi thì giống các linh-hồn ấy.

Lúc sáng-tạo võ-trụ, Phạn-thiên ra khỏi trạng-thái yên nghỉ rồi làm ra một quả trứng vàng giữa khoảng hỗn-mang, và cho vào đó một mầm rút ra từ bản thể mình. Mầm này cũng gọi là Phạn-thiên. Phạn-thiên ấy ra khỏi trứng rồi phân nó ra làm hai phần bằng nhau để làm nên trời và đất, rồi tạo nên chư-thần, quỷ và mọi vật khác.

c- QUAN-NIỆM VỀ VÕ-TRỤ

Võ-trụ do Phạm-thiên tạo nên chia ra làm ba phần. Trên hết là sáu tầng trời chồng chất lên nhau làm chỗ ở của chư-thần; giữa là mặt đất chia ra làm bảy châu đồng-tâm bị bảy đại-dương làm cho phân-cách nhau và quây quần quanh một ngọn núi thiêng chống trời; chót hết là năm tầng hạ-giới, chỗ ở của quỉ. Tầng chót của hạ-giới là nơi địa-ngục.

Võ-trụ này tồn tại trong một ngày Phạm-thiên dài bằng 2.160 triệu năm. Hết hạn này, nó trở về trạng-thái hỗn-mang trong một đêm dài bằng ngày Phạm-thiên. Sau đó, Phạm-thiên lại dậy, tạo trở lại võ-trụ y như trên. Vậy, lịch-sử thế-giới gồm có nhiều đời kế tiếp nhau mãi-mãi không cùng.

d- LINH-HỒN NGƯỜI VÀ THUYẾT LUÂN-HỒI

Thế-xác chỉ sống một thời-gian ngắn ngủi ở thế-gian, nhưng linh-hồn người không thể tiêu-diệt. Sau khi người chết, hồn xuất ra khỏi xác, nhưng vẫn không được tự-do vì nó lại phải đầu thai qua kiếp khác, cứ sống, chết, đầu thai lại, rồi sống, chết, đầu thai như thế mãi không ngừng. Người Ấn-độ gọi sự sống, chết và đầu thai đó là luân-hồi, vì họ so sánh nó với sự quay tròn của một bánh xe, hết vòng này thì lại sang vòng khác.

d- Ý-NIỆM ĐẠO-ĐỨC.

Linh-hồn người cũng như linh-hồn vạn-vật, thật ra vốn là một phần của linh-hồn võ-trụ, một chất tinh-tế, thuần-khiết và sáng suốt. Nhưng vì hỗn-hợp với vật-chất, nó bị dơ bẩn đi, và kẹt trong vật-chất, không thể thoát ra được. Trong những kiếp liên-tiếp nhau, linh-hồn có thể mang nhiều hình thể tử thực vật đến người.

Những linh-hồn biết tu luyện và noi theo đường đạo-đức thì có thể trong sạch lại và trở về nhập với hồn võ-trụ. Trái lại, những linh-hồn chìm đắm trong những chỗ dơ bẩn thì cứ bị luân-hồi, có thể phải mang mãi cái thế-xác thú-vật, hoặc thành quỉ, hay sa xuống địa-ngục. Từ khi quan-niệm này phát hiện, luân-lý cũng nảy mầm.

Tuy nhiên, nền luân-lý Ấn-độ, cho đến một thời-kỳ gần đây, vẫn có tánh-cách tiêu-cực. Người Ấn-độ vốn cho rằng thế-giới hữu-hình chỉ là một trò ảo-thuật của Phạm-thiên tạo ra để tự tiêu khiển. Hồn cá-nhơn bị lôi kéo vào trong trò ảo-thuật này và cho nó là sự thật nên đắm đuối vào đó. Những người có học đạo và giác-ngộ được rằng mình bị gạt thì cố gắng để thoát-ly trò ảo-thuật của Phạm-thiên, bằng cách tự mình rút ra khỏi trò chơi để làm một khán-giả điềm-nhiên tọa-thị.

Như vậy, nền tư-tưởng Ấn-độ đặt cơ-sở trên nguyên-tắc xem cuộc đời là hư-ảo và lấy làm cứu-cánh chánh-yếu của người, sự thoát-ly đời sống hữu-hình để hòa-hợp hồn mình vào hồn Tạo-vật. Do đó, sự tu-niệm của họ chỉ hướng về chỗ tự tu-thân, tự làm cho tâm-hồn mình thanh-cao xa trần-tục, và đạo-đức của họ hướng về chỗ giữ cho mình hoàn-toàn hơn là về chỗ giúp đỡ kẻ khác.

e- SỰ THỜ CÚNG VÀ TU-NIỆM.

Cũng như mọi giống dân khác, người Ấn-độ ngày xưa rất lo nghĩ đến việc cúng tế thần-minh. Sự cúng tế này ban đầu có tánh-cách cá-nhơn, nhưng về sau, nó trở thành công-cộng. Những cuộc hành-lễ càng ngày càng phức-tạp lên mãi, và cuối cùng, xã-hội cần đến một hạng giáo-sĩ chuyên lo việc cúng tế.

Những giáo-sĩ này hợp lại làm một giai-cấp, giai-cấp Bà-la-môn. Họ cho rằng họ từ miệng Phạm-thiên mà thác-sanh ra, nên giai-cấp họ là giai-cấp cao nhất ở Ấn-độ, trên những giai-cấp chiến-sĩ, trưởng-giả và nông công. Ngoài ra những giai-cấp trên này, xã-hội Ấn-độ còn có nhiều giai-cấp khác. Những giai-cấp ấy phân-biệt nhau một cách rõ rệt. Không ai có thể vượt khỏi giai-cấp mình, và người khác giai-cấp với nhau không có quyền thông-hôn với nhau.

Chỉ có ba giai-cấp Bà-la-môn, chiến-sĩ và trưởng-giả là có quyền học đạo. Họ được làm lễ nhập đạo và sau lễ đó, họ tự xem như là được sanh một lần thứ nhì.

Đời của một người dân kiểu-mẫu trong ba giai-cấp trên của xã-hội Ấn-độ ngày xưa có thể chia ra làm bốn giai-đoạn: lúc còn bé thì học kinh sách, đến tuổi thanh-niên thì cưới vợ, làm gia-trưởng, khi con đã thành gia-thất thì vào rừng ở ẩn, sống một cuộc đời thanh-tĩnh, trở về già thì làm một tu-sĩ khổ hạnh, đi ăn xin.

Trong những người học đạo như thế, chỉ có người thuộc giai-cấp Bà-la-môn là có hy-vọng được trở về với hồn Tạo-vật sau khi chết. Người thuộc giai-cấp chiến-sĩ và trưởng-giả chỉ có hy-vọng thác-sanh vào giai-cấp Bà-la-môn mà thôi.

Người thuộc giai-cấp nông công không được học đạo, họ chỉ có quyền bố-thí cho các thầy tu để cầu phước cho mình. Những giai-cấp hạ-tiện hơn thì chẳng những không được tu-hành hay bố-thí cho người tu-hành, mà còn phải lánh xa người thuộc giai-cấp trên, vì sự có mặt của họ có thể làm bẩn đến những người giai-cấp trên.

2- PHẬT-GIÁO

Đến thế-kỷ thứ sáu trước Công-nguyên, đạo Bà-la-môn bị một giáo-phái khác cũng phát-sanh ở Ấn-độ là Phật-giáo đánh đổ.

a- TIÊU-SỬ PHẬT

Người sáng-lập Phật-giáo cũng gọi là Thích-giáo là Tất-đạt-ta (Siddhârtha) họ Cồ-đàm (Gotama) thuộc dòng Thích-ca, cũng gọi là Thích-già (Sâkya). Người sanh tại thành Già-tỉ-la (Kapilavastu) ở phía Bắc Ấn-độ vào thế-kỷ thứ sáu và mất vào khoảng năm 480 trước Công-nguyên.

Người là con một nhà quý-tộc thuộc giai-cấp chiến-sĩ, có vợ con và sống một cuộc đời phú-quí. Nhưng nhận thấy đời người khổ-sở, Người bỏ vợ con, bỏ quyền-vị để đi tu. Ban đầu, người theo lối khổ-hạnh, ép xác như hầu hết các vị ẩn-tu Ấn-độ thời bấy giờ. Nhưng sau, Người tỉnh-ngộ, và bỏ sự khổ-hạnh vì cho rằng nó cũng hại cho con người như sự ăn chơi phóng-túng. Nghiền ngẫm mối đạo trong mấy năm, Người mới thành chánh-quả, tự xưng là Như-lai rồi đi khắp nơi truyền mối đạo mình.

b- NHỮNG ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA PHẬT-GIÁO VÀ ĐẠO BÀ-LA-MÔN.

Đạo của Phật so với đạo Bà-la-môn có nhiều chỗ khác nhau. Phật không nhận thuyết linh-hồn võ-trụ cùng thuyết cho rằng hồn cá-nhơn và hồn võ-trụ đồng-thể với nhau. Người không nhận có Phạm-thiên là bậc thần tối-cao sáng-tạo vạn-vật. Người cho rằng những vị thần-minh là những nhơn-vật cao hơn con người, nhưng vẫn chịu những nỗi khổ như con người. Họ không giúp ích gì cho con người, và con người

cũng không có nhiệm-vụ gì đối với họ. Sau hết, Phật không nhìn nhận những kinh điển cũ của Ấn-độ, từ những kinh Phệ-đà đến những kinh sách của đạo Bà-la-môn.

Một mặt khác, Phật cho rằng không riêng gì người của giai-cấp Bà-la-môn mới có thể được giải-thoát. Bất cứ người nào có lòng thành cầu đạo cũng đều có thể thành-công cả. Vì đó, Người nhận làm đệ-tử người của tất cả mọi giai-cấp, ngay cả đến giai-cấp hạ-tiện nhưt. Về sau, Người còn nhận phụ-nữ làm tín-đồ, điều mà đạo Bà-la-môn không khi nào chịu.

c- LÝ-THUYẾT ĐẶC-BIỆT CỦA PHẬT-GIÁO: SỰ KHỔ VÀ PHÉP DIỆT KHỔ

Phật không đề-cập đến nhiều vấn-đề thường được các triết-gia khác chú ý. Người vốn chủ-trương rằng trong sự đi tìm chơn-lý, con người chỉ nên nghĩ đến những điều gì hữu-ích cho sự giải-thoát của mình mà thôi.

Vì lẽ đó, theo Người, con người không nên tìm biết xem võ-trụ vĩnh-viễn hay tạm-thời, vô-cùng hay hữu-hạn. Con người chỉ cần biết rằng đời là khổ-hải, và mình bị chìm đắm vào trong ấy. Sự khổ-sở, con người không phải chỉ chịu một kiếp mà phải chịu hết kiếp này sang kiếp khác, cứ sanh sanh tử tử mãi mà mang nỗi khổ không biết bao giờ thôi.

Ở đây, Phật nhận thuyết luân-hồi của Bà-la-môn cho rằng sự sanh tử của con người như cái bánh xe, quay hết vòng này lại đến vòng khác không ngừng. Cái nghiệp người chịu ở kiếp này là cái quả công việc người làm ở kiếp trước, mà những công việc người làm ở kiếp này lại là cái nhơn của nghiệp người về kiếp sau. Như thế, người cứ phải chịu sự nghiệp-báo ấy mãi.

Nhưng nguyên-nhơn sự khổ là gì? Nó chính là lòng tham muốn của người: tham sống, tham sướng, tham mạnh. Muốn diệt khổ, người phải tiêu-trừ lòng tham muốn. Mà muốn tiêu-trừ lòng tham muốn, người phải dốc chí tu-hành, chánh tâm theo đạo để cắt đứt những cái nhơn-duyên ràng buộc mình ở trần-thế. Khi đã diệt được sự khổ rồi, tức là được giải-thoát rồi, người ra khỏi vòng luân-hồi, nghiệp-báo, không sanh không tử nữa mà tới cõi Niết-bàn.

d- SỰ TU-THÂN VÀ LÒNG TỪ-BI BÁC-ÁI

Về sự tu thân, Phật dạy tín-đồ lấy lòng từ-bi bác ái mà đối với vạn-vật. Nhưng cũng như những giáo-sĩ Bà-la-môn, Phật vốn chủ-trương xem cõi đời là bào-ảnh chớ không phải thật, nên lòng từ-bi của Người ít nhắm đến sự cải-thiện đời sống của con người, mà nhắm vào việc làm cho lòng con người hoàn-toàn hơn, cao quý hơn, trong sạch hơn, để cho con người dễ tập-trung tư-tướng trong khi nhập-định tham-thiền hầu tiến lên cuộc đời đạo-đức.

Tuy vậy, lòng từ-bi bác-ái này cũng làm cho Phật-giáo khác đạo Bà-la-môn dạy con người có một thái độ hờ-hững với tất cả những cái gì ở ngoài mình.

đ- SỰ THAY ĐỔI GIÁO-LÝ CỦA PHẬT VỚI PHÁI ĐẠI-THỪA

Năm trăm năm sau khi Phật tịch, đạo Người rất thịnh-hành ở Ấn-độ. Nhưng lúc ấy, môn-đồ Phật đã chia ra làm hai phái tiểu-thừa và đại-thừa.

Phái tiểu-thừa noi theo giáo-lý cũ của Phật. Phái đại-thừa trái lại, đã nhận chịu nhiều tư-tưởng khác và đưa ra những lập-luận khác hẳn lập-luận của phái tiểu-thừa. Những tín-đồ Phật-giáo phái đại-thừa tin nơi một thuyết Bà-la-môn theo đó, thế-giới trải qua nhiều đời khác nhau. Họ cho rằng mỗi đời đều có một vị Phật giáng-thế để độ dân. Ngoài Phật Thích-ca, họ còn tôn-sùng nhiều vị Phật khác, và thêm vào nhiều vị bồ-tát, nhiều vị thần-minh.

Theo phái đại-thừa, chơn-lý có hai mặt. Võ-trụ vốn là hư-ảo, nhưng đối với con người, nó vẫn thật. Vậy, nhiệm vụ người là phải cố gắng làm cho đời bớt khổ đi. Cái tư-tưởng gánh nhiệm-vụ với đời cũng chỉ là một ảo-tưởng, song nó là một ảo-tưởng tốt mà người nên có.

Như vậy, những tín-đồ phái đại-thừa không xem sự thoát khỏi vòng luân-hồi là cứu-cánh của mình như tín-đồ phái tiểu-thừa noi đúng theo lời Phật dạy. Họ đã có tư-tưởng cứu đời. Họ tin rằng có nhiều bậc tu-hành đắc-đạo rồi, nhưng chưa nhập Niết-bàn mà còn ở lại chốn thế-gian để cứu-độ chúng-sanh như Quan-thế-âm Bồ-tát.

Chủ-trương này làm cho tư-tưởng từ-bi bác-ái phát-triển rất mạnh. Mặc dầu hãy còn bị ý-niệm cho đời là hư-ảo gán cho nó một tánh-cách tiêu-cực khó hủy-diệt được, tư-tưởng này cũng đã đóng một vai tuồng rất quan-trọng trong sự nâng cao tinh-thần đạo-đức của loài người.

e- SỰ TRUYỀN-BÁ PHẬT-GIÁO

Đạo Phật từ Ấn-độ lần lần truyền-bá đi khắp các nước khác. Đảo Tích-lan và những nước Diến-điện, Cao-miên, Thái-lan theo Phật-giáo tiểu-thừa, nhưng thêm vào đó nhiều tín-ngưỡng bình-dân cổ-truyền của họ. Những nước Nê-Ban (Népal), Tây Tạng, Trung Hoa, Triều- tiên, Nhật - Bản và Việt- Nam thì theo Phật-Giáo Đại-thừa. Ngay ở Ấn- Độ thì Đạo Phật lần lần lui bước trước sự phản công của đạo Bà-la-môn và hầu như mất hẳn từ thế kỷ thứ 17.

3- ẤN-ĐỘ-GIÁO

Nền tôn-giáo thanh-hành ở Ấn-độ trong thời-đại cận-kim là Ấn-độ-giáo, hỗn-hợp những tư-tưởng của đạo Bà-la-môn và Phật-giáo với những tín-ngưỡng của dân chúng.

a- GIÁO-LÝ ẤN-ĐỘ-GIÁO SO VỚI ĐẠO BÀ-LA-MÔN VÀ PHẬT-GIÁO

Ấn-độ-giáo hướng về chủ-trương độc thần, song không chống chọi lại thuyết đa-thần của đạo Bà-la-môn, vì theo Ấn-độ-giáo, những vị thần khác nhau thật ra đều là hiện-thân của Phạm-thiên. Trong khi đạo Bà-la-môn dạy người nên để cho hồn mình lặn mất vào hồn Phạm-Thiên, Ấn-độ-giáo dạy người đem hòa-hợp linh-hồn riêng biệt của mình với linh-hồn Phạm-thiên.

Cũng như đạo Bà-la-môn, Ấn-độ-giáo nhận rằng võ-trụ là hư-ảo, nhưng trái với đạo Bà-la-môn khuyên người nên cố thoát trò ảo-thuật của tạo-hóa, nó dạy người nên tham-dự trò ảo-thuật ấy. Tuy không hoàn-toàn gạt bỏ chủ-trương vô-vi của đạo Bà-la-môn, Ấn-độ-giáo công-nhận giá-trị của sự hoạt-động, và xem nó ngang hàng với sự vô-vi.

Thật ra, đối với người theo Ấn-độ-giáo, cái quan-trọng không phải là vô-vi hay hoạt-động. Điều cần là làm cho con tâm thoát khỏi tinh-thần vụ-lợi ích kỷ. Nếu không vụ-lợi thì người đầu có hoạt-động nhiều bao nhiêu, cũng có thể xem như là không hoạt-động gì cả.

Vậy, Ấn-độ-giáo noi theo con đường Phật đã đi, vì Phật bài-xích sự khổ-hạnh và dạy rằng trước hết, người phải lo đạt được sự tự-do nội-tâm đối với thế-giới. Nhưng theo Ấn-độ-giáo, mực tối-cao của sự vô-vi là hoạt-động với tấm lòng thanh-thản như không hoạt-động vậy. Người nên hoạt-động không phải vì kết quả sẽ đến cho mình hay cho kẻ khác, mà chỉ vì nhiệm-vụ mình. Vả lại, khi người đã dựng mình cho Phạm-thiên người chỉ là dụng cụ của Phạm-thiên mà thôi. Một việc quấy đối với người đời có thể lại là việc phải, nếu người làm việc ấy hoàn-toàn chiều theo Phạm-thiên trong khi làm.

Vậy, trung-thành với đạo Bà-la-môn, Ấn-độ-giáo xem Phạm-thiên cao hơn ý-niệm Thiện và Ác. Nó không kể việc giết người là tội vì theo nó, khi ta giết một người, ta chỉ đẩy hồn người ấy từ trạng-thái này sang trạng-thái khác mà thôi. Vì đó, nền đạo-đức của nó vẫn chưa được hoàn-mỹ. Đó là nhược-điểm chung của những lý-thuyết cho rằng đời là ảo-tưởng.

b- SỰ THỜ CÚNG

Về phương-diện thờ cúng, Ấn-đ-giáo cũng thờ phụng Phạm-thiên, nhưng thêm vào hai vị thần Civa và Vishnou. Ba vị Phạm-thiên, Civa và Vishnou hòa-hợp nhau làm một và tiêu-biểu cho ba trạng-thái động của hồn vũ-trụ, mỗi vị có một nguyên-lý riêng. Phạm-thiên là đứng Tạo-hóa, nguyên-lý là hoạt-động; Vishnou là thần bảo-tồn, nguyên-lý là lòng từ-ái; Civa là thần phá-hoại, nguyên-lý

là dục-vọng, là sự tối tăm. Các vị thần này không phải chỉ được thờ cúng trong bản-thể họ, mà còn trong những hiện-thân của họ nữa. Vishnou được thờ dưới hình-thức những hiện-thân của mình trong nhiều kiếp khác với tên là Rama, Krishna. Thần Civa thường được thờ trong những hình-thể đàn-bà: Káli, Donga v.v...

Do lối thờ cúng này, những môn-đồ Ấn-độ-giáo chia ra thành phái thờ Vishnou và phái thờ Civa. Trong những nghi lễ, Ấn-độ-giáo cũng có khác đạo Bà-la-môn xưa. Thêm vào sự cầu-nguyện lễ-bái theo lối cổ, tín-đồ Ấn-độ-giáo còn dùng những bùa chú và phù-pháp có vẻ huyền-bí hơn. Sau hết, Ấn-độ-giáo cũng quảng-bá ý tưởng cho rằng sự thăm viếng các thánh địa ban phước lành cho các tín-đồ.

B- NHO-GIÁO VÀ ĐẠO-GIÁO

1- NHO-GIÁO

Trái với người Ấn-độ có óc thần-bí, người Trung-Hoa chuộng sự thực-tiến hơn. Bởi đó, mặc dầu dân Trung-Hoa vẫn noi theo những lý-thuyết thần-quyền như tất cả các dân-tộc khác, mỗi đạo nắm phần thắng-lợi ở nước họ là Nho-giáo nghiêng về phía đời sống thế-gian nhiều hơn.

Những tư-tưởng làm nền-tảng cho Nho-giáo đã xuất-hiện từ đời thượng-cổ với các nhà vua Nghiêu, Thuấn, Hạ Võ, Thành-Thang. Đến đầu đời nhà Châu, nó đã phát-triển rất mạnh mẽ với Châu Văn-Vương, Châu Võ-Vương, và Châu-công Cơ Đán. Tuy thế, chỉ đến lúc Khổng-tử ra đời, nó mới được sắp đặt thành một hệ-thống chặt chẽ và trở nên một học-thuyết ngự-trị trên dân-chúng Trung-Hoa.

a- TIÊU-SỬ KHỔNG-TỬ

Khổng-tử húy là Khâu, người làng Xương-bình, huyện Khúc-phụ, nay thuộc phủ Duyên-Châu, tỉnh Sơn-đông, trước thuộc nước Lỗ. Ông sanh vào năm thứ 21 đời vua Linh nhà Châu, nhằm năm 551 trước Công-nguyên. Khi trẻ, ông làm quan ở nước Lỗ, nhưng vì tánh hiếu học, ông lại tìm đến kinh-đô nhà Châu là Lạc-ấp để khảo-cứu về chế-độ hiến-chương đời trước. Lúc thành tài ông về nước Lỗ, tìm cách xuất-thân để thực-hiện lý-tưởng chánh-trị của mình.

Năm 51 tuổi, ông được vua nước Lỗ dùng làm Trung-đô-tể, rồi thăng chức Đại-tư-khẩu. Bốn năm sau, ông được vua cho nhiếp tướng-sự nước Lỗ. Nhờ tài cai-trị của ông, nước Lỗ thịnh lên. Nước Tề bên cạnh lo sợ, bèn dùng kế ly-gián, đem nữ nhạc dâng cho vua Lỗ. Vua Lỗ ham mê nữ-nhạc đến bỏ việc chánh. Khổng-tử thấy thế bèn kiếm dịp từ chức để bỏ đi. Ông châu du các nước để tìm một vị anh-quân có thể dùng tài mình mà đem sự thái-bình đến cho cái thiên-hạ loan-lạc thời Xuân-thu. Nhưng mặc dầu được mọi người tôn-trọng, ông không được nhà vua nào tin dùng.

Đến năm 68 tuổi, ông trở về nước Lỗ viết sách, dạy học trò. Ông mất năm thứ tư đời vua Châu-kính, tức là năm 478 trước Công-nguyên. Mộ ông hiện ở Khổng-lâm, cách huyện Khúc-phụ chừng hai dặm.

b- PHẦN TRIẾT-LÝ TRONG HỌC-THUYẾT KHỔNG-TỬ

Về phương-diện triết-lý, Khổng-tử thật ra không nêu ra một thuyết gì mới lạ, ông chỉ ghi lại những tư-tưởng đã có trong xã-hội Trung-hoa.

1° TƯ-TUỞNG TRUNG-HOA THỜI THÁI-CỔ

Người Trung-hoa đời thái-cổ, cũng như mọi giống dân bán khai khác, tin rằng trong trời đất cái gì có hình hoặc là vận-động được như mặt trời, mặt trăng, sao, núi, sông, sấm, chớp, gió, mưa, là có thần cả... Họ cho rằng những vị thần này can-thiệp đến sự sanh-hoạt của người. Ngoài ra, lại có ma quỷ là những linh-hồn người chết có thể hại đến người.

Đã có người, lại có quỷ, có thần, tất phải có một thế-lực to hơn làm chủ cả vũ-trụ. Nhưng vũ-trụ mệnh-mông mà chỗ nào cũng thấy từng trời xanh bao trùm mọi nơi. Do đó, họ mới nghĩ là có Trời. Có lẽ người Trung-hoa ngày xưa cho rằng Trời cai-quản chư-thần y như vua cai-quản chư-hầu ở thế-gian nên gọi Trời là Đế hay Thượng-Đế.

2° THÁI-CỰC VÀ SỰ BIẾN-HÓA CỦA THIÊN-LÝ

Sau đó, những nhà hiền-triết nghĩ ngợi sâu xa hơn, mới cho Trời là một cái lý chí-linh, chí-điệu làm chúa tể muôn vật và chủ-trương sự sanh-hóa của muôn vật. Khổng-tử noi theo tư-tưởng này mà lấy chủ-trương "*Thiên-địa vạn-vật nhứt-thể*" làm thống-hệ cho học-thuyết mình.

Theo chủ-trương đó, tất cả mọi vật đều do nơi một cái lý nhứt-thể biến-hóa mà ra. Vũ-trụ ban đầu vốn hỗn-mang, nhưng bên trong đã sẵn chứa cái lý vô-hình rất linh-diệu, rất cường-kiện ấy. Nó mang tên là Thái-cực và huyền-bí vô-cùng nên người rất khó nhận ra bản-thể nó. Người chỉ có

thể xem sự biến-hóa của vạn-vật mà biết động-thể của nó. Động-thể này phát hiện do hai thể khác nhau là động và tĩnh. Động là dương, tĩnh là âm. Dương đến cực-độ thì ra âm, âm đến cực độ lại ra dương. Hai thể này theo liền nhau rồi tương-đối, tương điều-hòa mà biến-hóa để sanh ra trời đất và vạn-vật.

Khởi-điểm của Tạo-hóa là do hai cái tương-đối là âm và dương, mà đạo Trời Đất cũng bắt đầu bằng sự biến-hóa của hai cái tương-đối ấy. Xét động-thể của lý Thái-cực để biết sự biến-hóa của Trời Đất và vạn vật, ấy là tôn-chỉ của Dịch-học, lấy vạch liền để biểu-hiệu thể dương và vạch đứt để biểu-hiệu thể âm.

Cứ theo thuyết này thì đạo Trời Đất lúc đầu rất giản-dị, sau mới phồn-tạp. Tuy vậy, người vẫn có thể nhờ lẽ âm dương mà hiểu được đạo ấy, vì dầu phồn-tạp đến đâu, nó cũng qui về lẽ âm dương đó. Nhưng ta nên nhớ rằng âm dương không phải là vật có hình, nó chỉ là cái phù-hiệu cho hai thể tương-đối nhau. Có sự tương-đối đó mới có sự biến hóa, mà có biến hóa mới có tiến; cái gì không tiến thì định, mà định thì thoái. Đạo Trời không có định, vì cứ hết cái qua, thì có cái lại, qua qua lại lại không cùng. Sự qua lại đó là hành-động của thần. Bởi đó, Khổng-tử nói: "*Ai biết đạo biến-hóa thì có lẽ biết sự làm của thần*" / "*Tri biến-hóa chi đạo giả, kỳ tri thần chi sở vi hờ*" (Dịch: Hệ từ thượng).

3° NGƯỜI VÀ SỰ TRI-GIÁC

Trong các loài vật Trời sanh ra, chỉ có người là linh nhứt, vì người được Trời phú cho một tánh rất quý, lại bẩm-thụ được hoàn toàn cả tinh thần linh-diệu và khí chất của tinh tú. Nhờ đó, người có cái sáng suốt để hiểu biết các sự vật. Cái sáng suốt ấy ở trong tâm người tức là cái thần-minh làm chủ-tể cho sự tư-tưởng cùng hành-vi của người. Tâm hư-tĩnh không bị vật-dục che tối mất cái sáng suốt tự nhiên thì cảm-ứng được với vạn-vật mà suốt được mọi lẽ trong thiên-hạ.

4° ĐẠO TRUNG

Trong sự biến-hóa của trời đất, lúc nào cũng có điều-hòa, có bình-hành tức là có cái trung. Trời Đất có cái trung mới đứng được. Vậy trung là cái gốc lớn của trời đất, và người ai cũng bẩm thụ cái trung để làm tánh thường. Được cái trung thì có một thái-độ ngay chánh, lúc nào cũng không nghiêng, không lệch, lại có cái sáng suốt biết rõ sự thật, làm việc gì cũng đúng đắn, không thái-quá, không bất-cập. Theo cái trung tức là theo thiên-lý mà lưu-hành, biến-hóa cho được điều-hòa. Nó là một điểm cốt-yếu trong đạo Nho, nhưng người rất khó theo nó, vì tâm người dễ bị vật-dục làm nghiêng lệch mà đạo thì ẩn-áo tinh-vi, khó lòng nhận thấy được.

5° SỰ SANH

Sự tương-đối, tương-điều-hòa của âm dương đưa đến sự sanh-hóa vạn-vật. Nòi giống nào đã sanh ra đều thuận, nghĩa là cứ thể mà sanh ra mãi. Trong võ-trụ, chỗ nào cũng đầy sanh-ý. Khác với phần nhiều các tôn-giáo xem thế giới là hư-ảo và dạy người nên tách mình ra khỏi sự sống để tránh cái khổ, Khổng-tử lấy sự sống làm một mục-đích của Tạo-hóa và dạy người lấy sự sanh-hoạt ở đời làm vui thú.

6° ĐẠO NHƠN

Trời với người vốn tương-thông tương-cảm nhau, nên người phải hành-động hợp với ý Trời. Bởi đó, người phải bồi-dưỡng sự sanh, tức là thi-hành đạo nhơn. Theo đạo này, người phải bỏ hết tư-tâm tư-ý, đối với người cũng như đối với mình, lúc nào cũng kính-cẩn và thân-ái như một. Đạo nhơn hàm ý bác-ái và lòng thương người, yêu vật, muốn cho vạn-vật đều hưởng cái khoái-lạc ở đời.

7° THIÊN-MẠNG

Sự biến-hóa trong thế-gian sở dĩ điều-hòa được là nhờ thiên-mạng điều khiển nó. Đó là một cái lý vô-hình, rất linh-diệu, rất cường kiện, nhưng không phải có hình dáng, tình-cảm, tư-dục như người. Công việc người ta ở đời thành hay suy đều do thiên-mạng cả.

Người phải biết tri-mạng, tức là vui theo mạng trời mà sanh-hoạt, ăn ở cho phải đạo, không lập ý riêng mà làm theo tư-tâm của mình. Tuy vậy, đó không phải là thụ-động chiều theo hoàn-cảnh. Người phải cố sức hoạt-động luôn để cho cái tâm mình sáng-suốt, mẫn-

nhuệ, hành-động không mất cái trung.

8° QUỶ THẦN VÀ SỰ SỐNG CHẾT

Quỷ thần là những khí thiêng-liêng trong trời đất, mắt người không thấy, tai người không nghe, song vẫn có ở khắp nơi. Việc quỷ thần vốn là việc cao xa u-ẩn, nên Khổng-tử dạy người nên kính trọng mà lánh xa. Sự tế quỷ thần cốt là để tỏ lòng tôn-kính chớ không phải để cầu phước riêng cho mình.

Đối với sự sống chết Khổng-tử cũng không bàn đến nhiều. Có lẽ ông cũng tin như người đồng-thời, rằng người sanh ra có khí, có hồn, có phách. Khí, hồn, phách hội lại là sống. Khi người chết rồi, cái hài-cốt chôn xuống đất lần lần tan nát đi, còn cái khí tinh-anh thì lên trên khoảng không-gian sáng rực-rỡ.

c- CHỦ-TRƯỞNG TRỊ-THÉ CỦA KHỔNG-TỬ

Khổng-tử là người có cái chí muốn giúp đời cứu dân nên rất chú-trọng đến vấn-đề chánh-trị. Những chủ-trương của ông về vấn-đề này phần lớn cũng có sẵn từ đời trước, và về sau rất thịnh-hành trong xã-hội Trung-hoa.

1° QUÂN-TỬ VÀ TIỂU-NHƠN

Theo Khổng-tử, thiên-hạ chia ra nhiều hạng người mà hai hạng chánh là: Quân-tử và tiểu-nhơn. Ban đầu, quân-tử là người có địa-vị tôn-quí mà tiểu-nhơn là hạng lê-dân. Về sau, tiếng quân-tử dùng để chỉ người có đức-hạnh tôn-quí còn tiếng tiểu-nhơn dùng để chỉ người có chí-khí hèn hạ.

2° SỰ HỌC CỦA NGƯỜI QUÂN-TỬ

Người quân-tử là người có nhiệm-vụ điều-khiển xã-hội. Bởi vậy, họ phải hết sức học-tập để xứng đáng với sứ-mạng mình. Sự học cốt ở chỗ sửa mình cho tâm được trung-chánh, ý cho thành, giúp người thông suốt mọi vật và đạt mục đức-hạnh cần-thiết để noi theo đạo Trời mà hành-động.

Người quân-tử bao giờ cũng giữ sự công-bằng, đối với mình thì khổ-khắc, nhưng đối với người khác phải có lượng bao-dung, đối với cha mẹ, phải hết lòng hiếu-kính, đối với nhà vua, phải hết dạ trung-thành.

3° LỄ VÀ NHẠC

Trong sự điều-khiển dân-chúng, Khổng-tử chủ-trương dùng lễ nhạc làm gốc.

Lễ là để hàm-dưỡng tánh-tình, tạo ra một không-khí thích-hợp cho tâm để có những tình-cảm người cần có. Nhạc là để cho tâm-hồn người được thơ-thới và hành-vi người được điều-hòa.

4° ĐẠO NHON VÀ ĐỨC-ĐỘ NHÀ CÀM QUYỀN

Việc chánh-trị thì cốt ở đạo nhơn. Theo Khổng-tử, sự trị loạn trong xã-hội không phải do nơi chánh-thể mà do tài đức người hành-pháp. Bởi vậy, người cầm quyền phải cố sửa mình cho đến bậc nhơn, hầu đem đạo ra thi-hành trong thiên-hạ. Khổng-tử dạy rằng, bầy tôi phải trung với vua vì quân quyền do mạng Trời mà ra. Tuy vậy, nhà vua phải làm tròn nhiệm-vụ mình và thi-hành nhân-chánh, lo cho quyền-lợi dân chúng. Trời với dân vốn tương thông nhau nên Trời lúc nào cũng chiều theo ý dân. Khi dân đã oán vua, mạng Trời có thể bị thu lại và người khác có quyền thay mặt Trời mà trị tội nhà vua.

d) SỰ PHÁT-TRIỂN CỦA NHO-GIÁO SAU KHỔNG-TỬ

Đời Chiến-quốc, tư-tưởng Nho-giáo lần lần mạnh lên. Tuy phải cạnh-tranh kịch-liệt với những học thuyết khác đương thời như Mặc-giáo, Lão-giáo, nó đã nắm phần thắng-lợi một cách rõ-rệt. Đời nhà Tần, Nho-giáo trải qua một đàn áp dữ-dội: nhiều nho-sĩ bị chôn sống, tất cả các sách vở đều bị đốt. Song từ đời Hán, nó được tôn trọng lại và chiếm một địa-vị ưu-thắng trong nền tư-tưởng Trung-hoa cho đến đầu thế-kỷ thứ 20. Tuy vậy, nó không tiêu-diệt hẳn các học thuyết khác, và đồng thời với nó, người Trung-hoa còn nhiều tín-ngưỡng khác nữa, trong đó, ngoài Phật-giáo từ Ấn-độ tràn vào, có Đạo-giáo là quan-trọng hơn cả.

2- ĐẠO-GIÁO

a. TIÊU-SỬ LÃO-TỬ

Người sáng-lập ra Đạo-giáo là Lão-tử. Ông họ Lý, tên Nhĩ, tự Bá Đương, thụy là Đam, người huyện Hồ, nước Sở, nay thuộc tỉnh An-huy, không rõ sanh và mất năm nào, nhưng cũng đồng-thời với Khổng-tử, nghĩa là sống vào thế-kỷ thứ 6 trước Công-nguyên. Sử chép rằng Khổng-tử có một lần đến hỏi lễ ông. Lão-tử có làm quan trụ-hạ-sử nhà Châu. Sau ông bỏ đi về phía tây, hướng tỉnh Cam-túc, không biết về sau ra thế nào.

b. TRIẾT-LÝ ĐẠO-GIÁO

Lão-tử có viết cuốn Đạo-đức-kinh để bày tỏ tôn-chỉ của mình. Theo ông, thoát kỳ-thủy thì không có gì cả, rồi bởi cái không mà thành cái có, và do cái có đó mà thành ra muôn vật. Nói một cách khác, trước hết là không, rồi tự nhiên thành ra một vật độc-nhứt trong khoảng không-gian, do vật độc-nhứt ấy mà sanh ra muôn vật trong thiên-hạ. Vật độc-nhứt ấy gọi là gì? Lão-tử bảo rằng mình không biết gọi nó tên là gì, nhưng đặt tên chữ là Đạo. Đạo là một tên chữ đặt ra để có tên mà gọi cho dễ, chứ kỳ-thực không sao tò rõ được.

Đạo là một vật tự-nhiên hỗn-thành ra trước khi có trời đất, mờ mờ mịt mịt, im lặng một mình trong khoảng không-gian, ở đâu cũng có mà bao giờ cũng thế, không suy-suyển chút nào, mà muôn vật trong vũ-trụ đều do đó mà sanh ra cả.

Đạo lại là một giống rất to mà không có hình-thể, trông không thấy, nghe không thấy, sờ mó không thấy, mênh-mông lơ mờ, nhưng bao giờ cũng vẫn đơn-nhứt. Như cái tính đơn-nhứt của đạo mà sanh ra âm dương, tức là trời đất; trời đất cùng với khí sanh ra vạn-vật.

c. LUÂN-LÝ ĐẠO-GIÁO

Đứng về phương-diện triết-lý mà nói, Đạo-giáo khác Nho-giáo ở chỗ nó cho rằng Trời không hề có cảm-thông với người. Lão-tử bảo rằng: "*Trời đất bất nhưn, xem vạn-vật như con chó kết bằng rơm cỏ*" (*Thiên địa bất nhưn, thị vạn-vật như sô-cẩu*). Vì chủ-trương này, Đạo-giáo có một nền luân-lý khác hẳn Nho-giáo. Trong khi Nho-giáo lấy sự sống ở đời làm vui thú và dạy người phải ráng lo gánh vác việc đời, Đạo-giáo cho rằng người muốn theo Đạo phải "*thanh-tĩnh vô-vi*" nghĩa là phải tuyệt hết những sự nghĩ ngợi ham muốn mà quên cả hình-hài đi, để lòng được trong sạch yên lặng, và không hành-động gì cả, cứ phó mặc tự-nhiên. Càng hành-động, người càng khổ-sở và càng làm người khác khổ-sở. Nguồn gốc của sự hành-động là dục-tình; bởi thế, nếu dứt hết dục-tình thì không phải hành-động, không phải lo nghĩ khổ-sở mà lòng được thư-thái, thân được an-nhàn.

d. ẢNH-HƯỞNG ĐẠO-GIÁO TRONG XÃ-HỘI TRUNG-HOA

Sau Lão-tử có những môn-đồ ông là Liệt-tử và Trang-tử làm sách để diễn-giải và truyền-bá tôn-chỉ ông và bài-bác các học-thuyết khác, nhứt là Nho-giáo. Họ không thành-công trong dự-định sau, nhưng cũng có một ảnh-hưởng rất lớn đến nền văn-hóa Trung-hoa. Nho-giáo vốn chăm chăm vào việc làm nhiệm-vụ đối với đời và đem lễ nhạc thúc-phục người thái-quá nên tâm-trí người không mấy khi được thanh-thoai. Những tư-tưởng yếm-thế nhàn-tản của Đạo-giáo có vẻ phóng-khoáng hơn đối với người và cởi mở cho tâm-hồn người một phần nào nên vẫn được những nhà nho dung nạp. Nó phát-triển nhiều nhứt trong lãnh-vực thi-ca, nơi mà những tư-tưởng đạo-mạo nghiêm-trang của Nho-giáo rất khó được phô-bày.

Đối với dân-chúng, Đạo-giáo lại có ảnh-hưởng đặc-biệt bất ngờ. Vì tư-tưởng Lão-tử cao thâm quá mà chủ-trương vô-vi của ông không hợp tánh hiếu-động tự-nhiên của người tầm-thường, họ không thể hiểu được nguyên-ý Lão-tử. Do đó, họ đã đem nó ghép vào hệ-thống tư-tưởng huyền-bí của họ. Vì thế, Đạo-giáo lần lần biến đổi đi để thành một tôn-giáo có nhiều dị-đoan và ảo-thuật.

Người ta tôn Lão-tử làm Thái-thượng lão quân và bày ra thuật tu tiên, luyện thuốc trường-sanh, thuật-số, phù-thủy v.v...

Một mặt khác, thái-độ yếm-thế của Đạo-giáo đã mờ đường cho Phật-giáo tràn sang Trung-hoa, và ta có thể xem nó là điểm nối liền giữa hai thuyết hoàn-toàn trái ngược nhau là Nho-giáo chủ-trương lấy sự sống ở đời làm vui thú, và Phật-giáo chủ-trương diệt sự sống để chấm dứt nỗi khổ của người.

C- THIÊN-CHÚA-GIÁO VÀ HÒI-GIÁO.

1- THIÊN-CHUA-GIAO

Trong tất cả những tôn-giáo còn lưu-hành trên thế-giới hiện nay, tôn-giáo bành-trướng mạnh nhất và tổ-chức chặt-chẽ nhất là Thiên-chúa-giáo.

a. TIỂU-SỬ NHÀ SÁNG-LẬP THIÊN-CHÚA-GIÁO.

Người sáng-lập ra Thiên-chúa-giáo là Giê-su, gốc người Do-thái, sanh tại thành Bethleem xứ Palestine. Năm sanh của Người đã được chọn làm năm đầu của Công-nguyên đang được dùng trên thế-giới. Ý-định lấy năm sanh của Giê-su làm năm đầu của kỷ-nguyên hiện-tại là ý-định của Giáo-hội Thiên-chúa; nhưng nó chỉ thực-hiện được khi giáo-hội Thiên-chúa đã thành lên, nghĩa là một thời-gian khá lâu sau khi Giê-su đã chết. Người ta đã dựa vào sự suy-toán của một tu-sĩ sống vào thế-kỷ thứ sáu tên là Dyonisius mà định năm sanh của Giê-su và cũng là năm đầu của công-nguyên. Nhưng sau đó, người ta nhận thấy rằng nhà tu-sĩ này đã tính sai và thật sự Giê-su sanh trong khoảng từ 4 đến 8 năm trước công-nguyên hiện được dùng trên thế giới. Mẹ Giê-su là bà Marie, vốn thuộc dòng-dõi vua David là vị vua Do-thái đã xây thành Jérusalem, cha nuôi người là Joseph làm nghề thợ mộc. Lúc Người còn nhỏ, gia-đình Người phải trốn sang Ai-cập để tránh sự đàn-áp của vị bạo-chúa cai-trị người Do-thái. Đến khi vị bạo-chúa này chết, Người lại được đưa về ở Nazareth đất Galilée, ở miền bắc xứ Palestine.

Ban đầu, Người làm nghề thợ mộc như cha nuôi là Joseph. Đến khoảng 30 tuổi, người bắt đầu giảng-đạo ở đất Galilée, rồi ở thành Jérusalem. Trong khi giảng-đạo ở Jérusalem, Người đã gặp sự phản-kháng rất mạnh của người Pharisien, tức là những tín-đồ của một môn-phái Do-thái tu theo cổ-luật của nòi giống họ. Họ liên-minh với các giáo-sĩ và hô hào dân-chúng chống lại Người. Người bị một sứ-đồ là Judas phản, bán Người lấy 30 đồng bạc nên bị bắt đưa ra tòa-án Do-thái và tòa-án La-mã.

Quan tổng-đốc La-mã bấy giờ là ông Ponce Pilate nhận thấy rằng Người vô-tội, nhưng có lẽ sợ tha Người ra thì dân-chúng dấy loạn nên giao Người cho những vị giáo-sĩ thẩm-phán Do-thái xử. Những người này kết-án Giê-su và đem người đóng đinh lên cây thập tự. Theo những tín-đồ Thiên-chúa-giáo, thì ba ngày sau khi được khâm liệm, Giê-su sống lại dạy đạo cho những tín-đồ thân thuộc, rồi 40 ngày sau Người mới thăng-thiên.

b. NHỮNG TƯ-TƯỞNG DO-THÁI LÀM NỀN-TẢNG CHO THIÊN-CHỨA-GIÁO

Mỗi đạo của Giê-su truyền dạy phát nguồn từ nơi những tin-tưởng của người Do-thái chép trong sách Cựu-Uớc. Khác với những giống dân đồng-thời theo chủ-trương đa-thần, người Do-thái ngày xưa tin-tưởng vào nơi một vị-thần duy nhất là Jahvé hay Jéhovah. Đó là vị Thượng-Đế tạo nên vũ-trụ, vạn-vật và chư-thần.

Trong số các thần được Thượng-Đế sanh ra, có một vị tự-kiêu quá và muốn kình chống lại Thượng-Đế nên trở thành ác-quỉ Satan. Sau khi tạo nên vũ-trụ, Thượng-Đế dùng bùn đất tạo ra Adam, một người đàn ông có hình-thể giống như mình. Ngài thổi sanh-khí vào cho người ấy và cho ở tại Thiên-đường. Ít lâu sau, thấy Adam cô-độc, Thượng-Đế thương tình, lựa lúc Adam ngủ, lấy một cái sườn của ông ta để tạo nên Eve là người đàn bà đầu tiên. Hai vợ chồng Adam và Eve được Thượng-Đế cho ở thiên-đường và được phép hưởng mọi thứ hoa quả trong ấy. Nhưng Thượng-Đế nghiêm-cấm họ động đến một thứ cây ở giữa thiên-đường là cây giúp người hiểu biết sự vật. Lúc đầu, vợ chồng Adam và Eve tuân theo lệnh ấy và hưởng được một hạnh-phúc hoàn-toàn. Nhưng sau đó, Eve nghe lời dụ dỗ của quỉ Satan biến thành con rắn nên xúi giục Adam ăn quả cây cấm. Vừa nếm xong quả này, họ có trí khôn và cảm thấy xấu hổ vì mình trần truồng. Cùng lúc ấy, Thượng-Đế hiện ra, đuổi Adam và Eve ra khỏi thiên-đường và bắt họ phải chịu cực-khổ để mưu-cầu cái sống.

Adam và Eve xuống trần làm thủy-tổ loài người. Tất cả mọi người đều là con cháu họ. Về sau, loài người có lúc họp nhau lại xây-dựng một cái tháp cao để lên trời. Thượng-Đế không muốn cho họ thành-công mới khiến cho họ nói tiếng khác nhau; từ đó mới có nhiều dân-tộc trên thế-giới. Vì cái tội nguyên-thủy của tổ-tiên mình là Adam và Eve phạm phải, loài người cứ đi sâu mãi vào con đường quấy và phải chịu những nỗi khổ-cực làm-than.

Người Do-thái cho rằng Thượng-Đế là Jéhovah rất nghiêm-khắc. Ngài thẳng tay trừng-trị những kẻ không tôn-sùng mình và không làm theo ý mình. Họ tin rằng những dân-tộc khác đều thờ phụng tà-thần, chỉ có họ là thờ đúng Thượng-Đế cho nên họ được lựa chọn để hưởng mọi hạnh-phúc.

Thượng-Đế đã từng tìm cách để dạy dỗ họ bằng cách gửi xuống thế những nhà tiên-tri mang lời của Ngài đến nói cho họ nghe. Một trong những nhà tiên-tri, Moise đã nhận được của Thượng-Đế mười điều luật trên núi Sinai để giáo-hóa dân Do-thái ăn ở cho hợp đạo trời. Nhưng người Do-thái thực-sự nhiều lần lâm vào cảnh quốc phá gia vong và sống một cuộc đời rất khổ-sở. Do đó, một số nhà tiên-tri Do-thái bảo rằng người Do-thái chưa được hạnh-phúc là vì chưa sạch tội. Họ nêu ra ý-tưởng rằng một ngày kia Thượng-Đế sẽ gửi xuống thế-gian một đứa con của Ngài để chịu tội thế cho loài người và đưa dân Do-thái đến đất cực-lạc dưới trần.

c. GIÁO-LÝ THIÊN-CHỨA-GIÁO

Giê-su tự xưng là đấng cứu-thế được các nhà tiên-tri nói đến. Theo sự tin-tưởng của Thiên-chúa-giáo do Người sáng-lập, linh-hồn con người vốn bất-diệt, nhưng không đầu-thai lại như người Á-Đông bảo. Linh-hồn người toàn-thiện được lên Thiên-đường, linh-hồn những người tốt, nhưng

còn phạm lỗi phải qua một hỏa-ngục gọi là nơi luyện tội để lọc hết tội trước khi được lên thiên-đường. Những người hung dữ không tin nơi Trời hay theo ác-quỉ Satan thì bị xuống địa-ngục.

Đời sống của thế-gian không phải cứ kéo dài như thế này mãi. Một ngày kia sẽ đến lúc tận-thế. Lúc ấy, Thượng-Đế sẽ giáng những tai-ách kinh-khủng gồm ghê xuống cho loài người. Chỉ có những người tin-tưởng nơi Thượng-Đế mới được Ngài bảo-vệ, còn những người không thờ-phụng Ngài sẽ bị tận-diệt.

Ngày tận-thế, Thượng-Đế sẽ hiện ra. Tất cả mọi người sẽ được sống lại và được đưa đến trước mặt Ngài. Thượng-đế sẽ phán xét mỗi người lại một lần cuối cùng. Những người tội lỗi sẽ bị trừng-phạt đời đời, còn những kẻ được Thượng-Đế nhận là xứng đáng sẽ sống trong một thế-giới vĩnh-viễn yên vui hoàn-hảo.

Vậy, theo Giê-su, quốc-gia của Thượng-Đế không thể thực-hiện ở cõi đời này, và trần-gian phải bị sụp đổ để nhường chỗ lại cho một thế-giới đặc-biệt trong đó mọi điều quấy, mọi cái sai lầm đều bị Thượng-Đế hủy-diệt hết.

d. NỀN LUÂN-LÝ CỦA THIÊN-CHÚA-GIÁO.

Về phương-diện luân-lý, Giê-su lấy đạo " *huynh-đệ hữu ái* " mà dạy người. Tuy không tin nơi thế-giới hiện tại, Giê-su không đến nỗi cho đời hoàn-toàn hư-ảo như các tôn-giáo Ấn-độ. Do đó, nền luân-lý của Người còn chứa đựng một nguyên-tắc hoạt động và có thể dung-hòa với quan-niệm công-nhận sự thực-tại của cuộc đời.

Nhưng cho đến hết đời trung-cổ, tư-tưởng Thiên-chúa-giáo hãy còn dính dáng với ý-niệm phủ-nhận thế-giới hiện tại nên tín-đồ đạo này cũng chỉ lo tu-niệm để giải-thoát lấy mình. Với phong-trào Phục-hưng phát-khởi từ thế-kỷ thứ 15, Âu-châu mới thấy sự thắng-lợi của quan-niệm công-nhận cuộc đời là thực-tại. Người ta quên hẳn phần phủ-nhận thế-giới hiện-tại chứa đựng trong tư-tưởng Giê-su, và tin chắc rằng Giê-su muốn tạo ngay quốc-gia của Thượng-Đế dưới thế-gian. Do đó, phát-sanh và nảy nở một nền luân-lý mới, nhắm vào việc cải-thiện những điều-kiện sanh-hoạt xã-hội và chuẩn-bị cho hơn-loại một tương-lai xán-lạn hơn.

d. SỰ TRUYỀN-BÁ THIÊN-CHÚA-GIÁO VÀ CÁC CHI-PHÁI HIỆN-TẠI CỦA ĐẠO ÁY

Sau khi Giê-su chết, những tín-đồ của Người mang giáo-lý Người truyền dạy khắp các nơi trong đế-quốc La-mã. Ban đầu, Thiên-chúa-giáo bị các Hoàng-đế La-mã đàn-áp dữ di, song nó lần lần thắng thế lên và đến thế-kỷ thứ tư thì thành ra quốc-giáo. Từ đó, nó lan rộng ra rất mạnh và chinh-phục được hầu hết các giống dân da trắng trước khi được truyền sang các châu Á, Mỹ, Úc và Phi.

Hiện giờ, Thiên-chúa-giáo có rất đông tín-đồ hợp lại làm ba phái. Ở Nga và các nước thuộc tộc Tư-lạp-phu, những tín-đồ Thiên-chúa-giáo có những giáo-hội riêng cho mỗi nước. Họ tự xưng là phái *Thiên-chúa-giáo chánh-thống*. Phái thứ nhì là *Thiên-chúa-giáo La-mã* có tín-đồ ở khắp nơi trên thế-giới và tuân theo lệnh một vị Giáo-hoàng ở La-mã. Phái *Thiên-chúa-giáo cải-lương* gồm rất nhiều chi thành-lập từ thế-kỷ thứ 16 với phong-trào chống chọi lại giáo-hội La-mã. Người Anh,

Mỹ, Đức và Bắc-Âu phần lớn thuộc phái này. Nói một cách khái-quát, giáo-lý những chi Thiên-chúa-giáo cải-lương khác giáo-lý của phái Thiên-chúa-giáo La-mã ở mấy điểm chánh sau đây:

1° Họ đặt tiêu-chuẩn của sự tín-ngưỡng không phải trong những cổ-truyền do các Giáo-hoàng và hi-đồng tôn-giáo qui-định hay giải-thích, mà trong thánh-kinh do mỗi người tự tìm và hiểu lấy.

2° Họ không nhận rằng trong các cuộc lễ có chúa Giê-su chứng-kiến thật-sự, không chịu thờ cúng hình-tượng và bà Thánh-mẫu đồng-trình là bà Marie, mẹ của Giê-su.

3° Họ hủy bỏ chế-độ độc-thân của giáo-sĩ, hạn-chế quyền-hành các mục-sư và để cho các tín-đồ có một sự tự-do rộng rãi hơn trong sự điều-khiển giáo-hội.

2- HỒI-GIÁO

Ngoài những tôn-giáo kể trên đây, trên thế-giới còn một mối đạo quan-trọng khác là Hồi-giáo. Người sáng lập tôn-giáo này là Mahomet.

a. TIÊU-SỬ MAHOMET

Mahomet sanh ở La Mecque, xứ Arabie Séoudite, năm 571 và tự xưng mình là dòng-dõi Abraham, thủy-tổ dân Do-thái được nói đến trong sách Cựu-Uớc. Thân-phụ ông là một thương-gia chết khi ông còn trong bụng mẹ. Ông mồ côi luôn mẹ từ nhỏ, và được ông nội nuôi. Sau đó, ông ở với một người chú. Năm 13 tuổi, ông theo chú đi buôn và gặp một giáo-sĩ Thiên-chúa giảng-đạo cho nên được biết qua giáo-lý Thiên-chúa. Giáo-lý này có ảnh-hưởng rất lớn đến tư-tưởng ông về sau.

Lớn lên, Mahomet buôn bán ở La Mecque và cưới một quả-phụ làm vợ. Năm 40 tuổi, ông thấy thiên-thần Gabriel - vị thiên-thần đã báo cho bà Marie, mẹ Giê-su biết rằng bà sẽ sanh ra một đấng cứu-thế - hiện ra trước mặt ông và đọc cho ông nghe một đoạn kinh Coran.

Từ đó, Mahomet bắt đầu giảng đạo. Năm 621, thành Médine chịu theo giáo-lý của ông và rước ông đến đó ở. Dân La Mecque đuổi theo, nhưng không bắt được ông. Sau đó ông tổ-chức quân-đội, đánh nhau với các bộ-lạc Á-rập khác để truyền-bá giáo-lý mình. Cuối cùng, ông thắng được những bộ-lạc ấy và được họ tôn làm đấng Tiên-tri của họ. Ông chết tại Medine năm 632.

b. GIÁO-LÝ HỒI-GIÁO

Về phương-diện giáo-lý, Hồi-giáo chủ-trương chế-độ độc thần. Theo tín-đồ đạo này, chỉ có Allah là Thượng-đế và Mahomet là vị Tiên-tri của Ngài. Người ta chỉ cần tin như thế cũng đủ lên thiên-đường.

Tin-tưởng đặc-biệt của Hồi-giáo là người nào tham-dự cuộc *Thánh-chiến* để bảo-vệ hay bành-trướng giáo-lý Mahomet thì sẽ được đưa ngay lên Thiên-đường hưởng mọi lạc-thú. Do đó, người theo Hồi-giáo tác-chiến rất hăng khi những lãnh-tụ họ dùng khẩu-hiệu Thánh-chiến để kêu gọi họ chiến-đấu.

Thánh-kinh của Hồi-giáo là kinh Coran. Nó vừa là một quyển sách dạy giáo-lý, vừa là một bộ luật, vừa là một quyển sách luân-lý. Nó bao gồm cả tổ-chức xã-hội và đời sống tinh-thần của tín-đồ. Nó

khép tín-đồ vào một khuôn-khổ rất khắc-nghiệt và qui-định từng cử-chỉ nhỏ nhặt hàng ngày của mỗi người.

Theo nguyên-tắc, tín-đồ nào cũng có thể tự cầu cúng Thượng-Đế, nhưng về sau, một giáo-hội được thành-lập với những giáo-sĩ chuyên-môn nghiên cứu Thánh-kinh và giữ luôn chức-vụ thẩm-phán.

c. SỰ PHÁT-TRIỂN CỦA HỘI-GIÁO

Sau một thời-kỳ bành-trướng rất mạnh ở nhiều nơi trên các châu Á, Âu và Phi, Hồi-giáo hiện còn được thịnh-hành trong các chủng-tộc Á-rập ở Phi-châu và Á-châu. Ngoài ra, nó còn một số khá đông tín-đồ ở Ấn-độ, Trung-hoa, Nam-dương quần-đảo, Phi-luật-tân và Nga.

III- VAI-TUỒNG VÀ ẢNH-HƯỞNG CỦA CÁC TÔN-GIÁO ĐỐI VỚI XÃ-HỘI

A- VAI TUỒNG VÀ ẢNH-HƯỞNG CỦA CÁC TÔN-GIÁO ĐỐI VỚI XÃ-HỘI CỔ-THỜI.

Phát-sanh từ ý muốn giải-thích võ-trụ, những tư-tưởng thần-quyền của người đời trước lần lần đưa họ đến những tín-ngưỡng chi phối đời sống xã-hội của họ một cách chặt-chẽ. Vốn cho rằng thần-minh có oai-quyền rất lớn đối với mình, không những khi mình sống, mà còn đối với linh-hồn mình sau khi mình chết, người cổ-sơ rất sợ thần thánh.

Theo họ, những khi không hài lòng, thần thánh chẳng những trừng-phạt cá-nhơn phạm lỗi mà thôi, mà còn có thể trừng-phạt cả đoàn-thể của cá-nhơn phạm lỗi nữa. Do đó phát-sanh ra quan-niệm cho rằng đoàn-thể phải kiểm-soát cá-nhơn, giữ cho cá-nhơn không phạm lỗi với thần-minh. Mọi hành-động phạm lỗi đều phải bị trừng-phạt thẳng tay. Để cho thần-minh vui lòng bảo vệ xã-hội, những nhà cầm quyền phải đặc-biệt chăm nom đến việc cúng tế thần-minh. Trong trường-hợp đó, tất nhiên tôn-giáo đóng vai-tuồng ý-thức-hệ chi-phối những tư-tưởng lý-luận của người, và trở thành điểm qui-tập tất cả những hoạt-động văn-hóa của người.

Những nhà cầm quyền thuở trước, từ những gia-trưởng, tộc-trưởng của chế-độ du-mục, qua những tù-trưởng của chế-độ bộ-lạc, đến những quốc-vương hoàng-đế của chế-độ quân-chủ, đều có liên-lạc mật-thiết đến các giáo-hội.

Có khi chính người chỉ-huy đoàn-thể về mặt chánh-trị cũng là người cao-cấp nhất trong hệ-thống tổ-chức tôn-giáo. Các gia-trưởng, tộc-trưởng là người lãnh trách-nhiệm coi sóc sự thờ cúng lễ-bái chung cho gia-tộc mình. Người tù-trưởng của nhiều bộ-lạc cũng là người chỉ-huy mọi cuộc hành-lễ của bộ-lạc. Những nhà vua nhiều nước ngày xưa là những người đại-diện cho đoàn- thể dân-chúng để cúng-tế Trời Đất và lãnh mạng Trời mà cai-trị muôn dân.

Nhưng ở nhiều xã-hội, ngoài người chỉ-huy chánh-trị, lại còn những người đặc-biệt điều-khiển đoàn-thể về phương-diện tôn-giáo nữa. Trong nhiều bộ-lạc, ta thấy có những thầy phù-thủy lo việc lễ-bái cúng-tế. Ở nhiều nước, ngoài vị quốc-vương, còn có một giáo-hội tổ-chức thờ phụng chư thần. Trong trường-hợp này, người nắm quyền chánh-trị thường phải tùy thuộc người nắm quyền tôn-giáo trong nước. Các nhà vua Ấn-độ xưa kia, vốn thuộc giai-cấp chiến-sĩ, phải kính

nhường các giáo-sĩ Bà-la-môn; những nhà vua Âu-châu thuở trước phải tùng-phục Giáo-hoàng La-mã.

Tôn-giáo đã được trọng như thế thì tất-nhiên nó phải thu hút phần lớn sự hoạt-động của dân. Người đời trước vốn nghĩ rằng, cuộc đời dương thế rất ngắn so với đời sống vĩnh-cửu của linh-hồn, nên lo cho đời sống của linh-hồn nhiều hơn lo cho đời sống vật-chất. Những bài thơ, bài hát, những điệu nhảy múa trước kia thường ca-tụng thần thánh và dùng để xướng-tấu trong những cuộc hành-lễ. Những đền đài dùng làm nơi tôn thờ thần thánh và những lăng-tẩm có khi đẹp-đẽ, hùng-tráng hơn những cung-điện dùng làm trụ-sở cho kẻ nắm chánh-quyền. Kim-tự tháp Ai-cập và điện Đế-thiên Đế-thích muôn phần to lớn và vững chắc hơn những đền đài của vua chúa Ai-cập và Cao-miên thời trước. Đối với dân-chúng nhiều nước, các phần-mộ cũng tốt đẹp hơn nhà cửa họ dùng làm nơi ăn chốn ở hàng ngày.

Không những làm cái căn-bản hướng-dẫn mọi hoạt-động chánh-trị và văn-hóa, tôn-giáo lại còn ăn sâu vào tiềm-thức của đại-chúng. Những quan-niệm luân-lý, những hệ-thống suy-luận của người dân đời trước đều đượm nhuần tư-tưởng tôn-giáo. Trong lời ca, tiếng hát, trong cử-chỉ hàng ngày, trong những sự-biến vui buồn của đời họ, có rất nhiều dấu vết của lòng tin-tưởng nơi Trời Phật, nơi một thế-giới vô-hình với những quyền-năng thiêng-liêng có nhiều thế-lực đối với đời sống con người.

Những hình-thức thờ cúng cũng như các vị thần thánh được thờ cúng có thể thay đổi, vì các dân-tộc thua trận phải chấp-nhận tôn-giáo các dân-tộc chiến thắng. Nhưng chung-qui, những nguyên-tắc căn-bản của tôn-giáo là lòng tin nơi những quyền-lực vô-hình cùng sự hướng cả tâm-tư và hoạt-động mình vào việc thờ-phụng những quyền-lực ấy, vẫn không thay đổi.

Như vậy, trong xã-hội thời trước, tôn-giáo đóng vai-tuồng những lý-thuyết chánh-trị, những lý-thuyết chánh-trị dựa vào thần-quyền và có tánh-cách độc-tôn, tuyệt-đối, luôn luôn hướng đến sự uốn nắn tất cả xã-hội theo mình.

Khi xã-hội đã đạt một mực văn-minh khá cao, phần hình-nhi-thượng của tôn-giáo có thể tiến đến những tư-tưởng siêu-hình rất uyên-thâm. Nhưng phần triết-lý này, chỉ riêng một số ít người hiểu nổi mà thôi. Đối với đại-chúng, các tôn-giáo thường có một phần hình-nhi-hạ gồm những tin-tưởng mộc-mạc và những giáo-điều luân-lý thông-thường.

Hai phần hình-nhi-thượng và hình-nhi-hạ của tôn-giáo nhiều khi không hoàn-toàn phù-hợp nhau. Phật-giáo vốn xem đời là hư-ảo nên dạy người tìm cách diệt sự sống để chấm dứt nỗi khổ, và nhập Niết-bàn là một chỗ tịch-mịch hư-vô. Nhưng phần lớn tín-đồ Phật-giáo chỉ biết việc bố-thí, làm phước, ăn chay và lạy Phật tụng kinh để được lên thiên-đường, toàn là những hành-vi gián-tiếp công nhận sự thật-tại của đời sống trần-gian và thiên-đường cực-lạc.

B- VAI-TUỒNG VÀ ẢNH-HƯỞNG CỦA TÔN-GIÁO TRONG XÃ-HỘI CẬN-ĐẠI

Những lý-thuyết thần-quyền ngày xưa bó buộc người trong một khuôn khổ chật hẹp. Nhưng oai-quyền nó không phải tồn-tại mãi. Loài người lần lần tiến-hóa về phương-diện kỹ-thuật và có ý muốn nâng cao đời sống vật-chất của mình lên. Họ lo thỏa-mãn những nhu-cầu hiện-tại của thể

xác nhiều hơn. Do đó, họ xao-lãng bớt sự hoạt-động để phụng sự tôn-giáo mà mục-đích chánh-yếu là sự an-ủi và cứu-rỗi linh-hồn.

Trong bộ máy cai-trị, những hoạt-động có tánh-cách thuần-túy chánh-trị càng ngày càng thăng-thể hơn những hoạt-động có tánh-cách tôn-giáo. Ở những xã-hội mà chánh-quyền và giáo-quyền phân ra cho hai cơ-quan khác nhau, người nắm chánh-quyền lần lần thoát-ly sự chi-phối của người nắm giáo-quyền, rồi trở thành có thế-lực hơn người nắm giáo-quyền. Tuy vậy, chánh-quyền còn phải lo bảo-vệ tôn-giáo, vì tôn-giáo hãy còn là một chế-độ quan-trọng làm nền-tảng cho xã-hội.

Từ thế-kỷ thứ 18 trở đi, óc suy-luận nảy nở ra, khoa-học manh-nha rồi phát-triển một cách nhanh chóng. Những phần-tử cấp-tiến không còn tin nơi những thuyết khởi-nguyên, những tư-tưởng siêu-hình của các tôn-giáo nữa. Các lý-thuyết khoa-học về vũ-trụ và các lý-thuyết chánh-trị thành hình rồi chinh-phục được số đông người trong xã-hội.

Sau những cuộc cách-mạng đẫm máu, những chánh-phủ vô-thần được thành-lập. Những tư-tưởng tôn-giáo và những tư-tưởng vô-thần xung-đột nhau mãnh-liệt. Nhưng sau đó, nguyên-tắc tự-do tín-ngưỡng được chấp-nhận và tôn-giáo được dung-nạp trong xã-hội mới. Tuy thế, quyền chánh-trị và quyền tôn-giáo được phân ra rõ rệt, mỗi bên có một phạm-vi hoạt-động riêng. Nhà chánh-trị thì lo việc cai-trị dân-chúng, còn những giáo-chủ, giáo-sĩ thì lãnh phần hướng-dẫn tín-đồ mình trên con đường đạo-đức. Ý-thức-hệ mới do những lý-thuyết chánh-trị vô-thần đưa ra đặt nền-tảng trên sự tự-do và lần lần thấm-nhuần vào đầu óc dân-chúng. Do đó số người cuồng-tín tôn-giáo ngày một bớt đi, và những cuộc xung-đột tôn-giáo mất dần tánh-cách tàn-khốc.

Sự phân-biệt hai quyền chánh-trị và tôn-giáo làm cho chánh-trị thoát-ly sự chi-phối của tôn-giáo một cách rõ rệt, và người ta có lúc đã tin rằng, chánh-trị và tôn-giáo có thể sống chung nhau một cách hòa-bình trong xã-hội. Nhưng sau những lý-thuyết chánh-trị dung-nạp sự tồn-tại của tôn-giáo, xã-hội cận-đại lại sản xuất những lý-thuyết chánh-trị bài-trừ tôn-giáo, và sự tồn-tại của tôn-giáo lại được đặt ra làm một đề-mục tranh-đấu chánh-trị.

Trong khi chánh-quyền lần lần thoát-ly sự chi-phối của tôn-giáo thì những hoạt-động văn-hóa cũng đi xa tôn-giáo. Những sản-phẩm văn-chương nghệ-thuật càng ngày càng hướng về mục-đích phụng-sự chánh-quyền và nhơn-sanh nên bớt chú-trọng đến tôn-giáo. Đối với dân-chúng, ảnh-hưởng của tôn-giáo cũng kém bớt thế-lực. Thiếu cái quyền đàn-áp bắt buộc người ta theo mình, tôn-giáo không còn thu hút phần lớn sự hoạt-động của loài người vào việc phụng-sự mình được nữa.

Tuy thế, về phương-diện tinh-thần, tôn-giáo hãy còn một ảnh-hưởng to tát đối với loài người. Ảnh-hưởng này tiềm-tàng trong ý-thức người và uốn nắn tâm hồn người một cách mạnh-mẽ. Những quan-niệm luân-lý đạo-đức, những hoạt-động dính dáng đến đời tư của người vẫn còn do tôn-giáo điều-khiển nếu chánh-quyền không công-khai bài-xích tôn-giáo.

Trong những xã-hội tôn thờ nguyên-tắc tự-do, đòi tư của người được kính nể bảo-vệ một cách trân-trọng. Do đó, phạm-vi thế-lực của tôn-giáo tuy bị thu hẹp hơn trước, nhưng cũng hãy còn rộng rãi lắm.

Trong những xã-hội bài-xích tôn-giáo và đặt nền tảng trên sự độc tài chánh-trị, tôn-giáo rất khó hoạt-động để tồn-tại một cách công-khai. Nhưng vì nó thấm-nhuần tiềm-thức của con người một cách mạnh-mẽ hoàn-toàn quá nên nó vẫn còn tồn-tại qua mọi sự đàn-áp. Tuy thế, sự tồn-tại ấy chỉ là một sự tồn-tại vô-hình, không cụ-thể, hay chỉ được cụ-thể-hóa một cách yếu ớt.

Nói một cách khái-quát thì trong thế-giới hiện-tại, những tín-đồ các tôn-giáo hãy còn chiếm lấy một phần lớn hơn-loại. Trong những tín-đồ này, người nhiệt-tín để hết tâm-trí vào việc phụng-sự tôn-giáo chỉ là một số nhỏ nhoi; những người khác, mặc dầu vẫn chịu sự chi-phối mạnh-mẽ của tôn-giáo về phương-diện tinh-thần, chỉ để một ít thời-giờ rảnh-rang của mình hiến cho tôn-giáo. Họ lại thường thờ-ơ đối với vấn-đề chánh-trị, và xem tôn-giáo như là một việc riêng của mình nên ít khi hơn-danh tín-đồ một tôn-giáo mà hoạt-động chánh-trị.

Tuy thế, lúc sau này, trước sự tấn-công mãnh-liệt đẫm máu của những phong-trào bài-xích tôn-giáo, ý-thức tôn-giáo của người lại bùng dậy. Những người nhiệt-tín tôn-giáo bèn đứng lên hô-hào cho người đồng-đạo hội-hợp nhau lại tranh-đấu để bảo-vệ quyền tín-ngưỡng tôn-giáo của mình. Họ đã thành-lập những đoàn-thể hoạt-động chánh-trị, nhưng trong sự hoạt-động này, đoàn-thể họ chỉ được xem như là những đoàn-thể chánh-trị. Sự khác nhau giữa những đoàn-thể tôn-giáo này và những chánh-đảng qui về một điểm duy-nhứt là một bên dựa vào lý-thuyết thần-quyền, một bên dựa vào lý-thuyết hơn-quyền.

IV- THÁI-ĐỘ CHÁNH-TRỊ HỢP-LÝ NHỨT ĐỐI VỚI CÁC GIÁO-LÝ THẦN-QUYỀN.

Các lý-thuyết thần-quyền đặt nền-tảng trên sự tin-tưởng nơi một đấng chí-tôn toàn-thiện toàn-năng có quyền-lực vô-hạn đối với con người. Nếu không như thế, nó cũng nêu ra những ý-tưởng siêu-hình rất tinh-tế, nhưng không khoa-học.

Đứng về phương-diện lý-trí mà nói, những nguyên-tắc căn-bản của những lý-thuyết thần-quyền không thể chứng-minh được, và không thể dùng làm lý-thuyết chánh-trị để hướng-dẫn con người.

Thật ra trên thế-giới, hãy còn nhiều đám quần-chúng chưa được văn-minh và cuồng-tín nơi tôn-giáo họ phụng-thờ. Nhưng nếu sự cuồng-tín này có thể giúp cho họ một sự đoàn-kết và một lòng khinh-sanh làm cho họ mạnh lên, nó cũng nhốt họ trong những khuôn-khổ tư-tưởng quá chật hẹp và không cho phép họ tiến-bộ một cách nhanh chóng được. Do đó, những quốc-gia muốn canh-tân như Thổ-nhĩ-kỳ trước đây và Ấn-độ hiện giờ, đều phải cố vượt ra khỏi sự kiềm-tỏa của tôn-giáo.

Tuy thế, loài người vẫn chưa có thể bỏ hẳn tôn-giáo được như một số người khác đang chủ-trương, vì tôn-giáo, ít ra là dưới hình-thức cao cả và trong sạch của nó, hãy còn hết sức cần-thiết cho người.

Loài người vốn không phải cục-súc như loài cầm-thú, chỉ lo mưu-đồ sự sống vật-chất của mình. Họ còn biết suy nghĩ lý-luận, biết tìm hiểu nguyên-nhơn tận cùng của sự vật, lý do tồn-tại của mình và tìm kiếm những nguyên-tắc hướng-dẫn sự hành-động của mình. Những tư-tưởng lý-luận của người đàng là bị sự chi- phối chặt-chẽ của đời sống vật-chất, nhưng sự phát-sanh của nó cũng đủ chứng tỏ rằng, con người không phải cam-tâm chịu khép mình trong đời sống vật-chất, mà lại muốn vượt lên khỏi đời sống vật-chất ấy.

Trong một thời-gian dài dặc, vì không đủ phương-tiện và trí thông-minh để giải-thích những hiện-tượng thiên-nhiên bao bọc lấy mình, người đã có những quan niệm sai lầm về vũ-trụ và những hoạt-động tinh-thần của người đã đưa đến những hệ-thống tư-tưởng lấy thần-quyền làm nền tảng.

Lúc những lời giải-thích của những hệ-thống tư-tưởng ấy còn có thể làm thỏa-mãn tất cả mọi người thì tôn-giáo chiếm địa-vị độc-tôn trong lãnh-vực tinh-thần, và thành ra cái lý-thuyết chánh-trị duy-nhứt của xã-hội. Nhưng đến khi người có nhiều kinh-nghiệm hơn trong việc sử-dụng vật-chất, và hiểu biết vũ-trụ bao quanh mình một cách rõ rệt hơn, người lần lần nhận thấy những chỗ sai lầm của hệ-thống tư-tưởng thần-quyền. Óc khoa-học mở mang ra, và những sự giải-thích của tôn-giáo không còn thỏa-mãn được lý-trí của tất cả mọi người nữa. Do đó, tôn-giáo phải nhường bước cho những tư-tưởng đặt nền tảng trên sự quan-sát thực tế về vũ-trụ và dựa vào những nguyên-tắc mà người ta có thể dùng sự thí-nghiệm để chứng tỏ sự đúng đắn.

Chúng ta không thể chối cãi rằng, những hệ-thống tư-tưởng dựa vào khoa-học này cũng cốt để thoả-mãn sự sống còn tinh-thần của con người. Chúng ta cũng có thể chấp-nhận rằng những suy-luận của nó có tánh-cách thiết-thực và hợp-lý hơn những suy-luận của tôn-giáo. Nhưng không phải vì đó mà chúng ta phải chủ-trương hủy-diệt tôn-giáo để đem khoa-học thay vào. Như thế là vì tôn-giáo hiện đặt nền tảng trên một lòng tin-tưởng mà khoa-học không thể nào đánh đổ được.

Những người theo thuyết duy-vật khoe rằng mình đã chứng-minh được một cách khoa-học rằng Trời không có. Nhưng kỳ-thực, họ chỉ chứng-minh được rằng những hiện-tượng vật-chất chung quanh ta phải tùy thuộc những định-luật bất-di bất-dịch, và những biến-cố xảy đến cho ta là kết-quả sự tác-động của vật-chất theo những định-luật ấy.

Đối với những người sùng-thượng tôn-giáo, chỉ bằng vào đó mà quả-quyết rằng Trời không có thì cũng như là người đốt không sờ mó, không thấy được không-khí rồi quả-quyết rằng không có không-khí vậy. Nhóm người sùng-thượng tôn-giáo này cho rằng một công-trình vĩ-đại và tinh-xảo như vũ-trụ và sự sống không thể là kết-quả những phản- ứng tự nhiên của vật-chất. Theo họ, nhưэт định là phải có một nguyên-ly điều-khiển tất cả sự biến-hóa để làm cho quả địa-cầu nguyên là một khối lửa cháy đỏ mà lần lần phát-sanh được sự sống và sản-xuất được một giống vật rất khôn ngoan, rất đạo-đức là người.

Thêm nữa, một số nhà tôn-giáo hiện giờ lại dùng khoa-học để chỉ tỏ sự cần-thiết của một quyền-lực vô-hình và tối-cao chi phối vũ-trụ. Những người này đã chỉ-trích những thuyết khoa-học về sự phát-hiện của sanh-chất từ nơi tử-chất ở chỗ những thuyết ấy đã dựa quá nhiều vào sự ngẫu-nhiên.

Nói cho thực đúng thì chủ-trương rằng sự ngẫu-nhiên có một vai tuồng trong sự diễn-tiến của vật-chất không phải là chọi lại khoa-học, vì trái với những nhà khoa-học của thế-kỷ thứ 19, những nhà khoa-học hiện-đại đã chấp-nhận có sự ngẫu-nhiên trong các diễn-tiến vật-chất. Nhưng nhược-điểm của các thuyết khoa-học về sự phát-hiện của sanh-chất là *sự ngẫu-nhiên rất ít có cơ-hội đưa đến kết-quả tốt được.*

Tất cả những nhà khoa-học đều nhận rằng sanh-chất có một kết-cấu vô-cùng phức-tạp. Một phần-tử một của chất đản-bạch-tinh thông-thường nhất đã gồm có 5941 nguyên-tử chồng chất lên nhau và sắp nhau theo một hệ-thống nhưt-định.

Những nhà học-giả duy-vật đã cho rằng những nguyên-tử vô-cơ trước đây đã tự-nhiên kết-hợp nhau lại để thành ra phần-tử sanh-chất đầu tiên. Nhưng bảo như thế chẳng khác nào bảo rằng một thúng chữ nhà in đổ đại xuống đất có thể tình cờ tự sắp thành bản in của bài Tự-tình-khúc vậy. Bởi đó, học-giả Lecomte du Noüy đã nhiệt-liệt bài bác thuyết của những học-giả duy-vật cho rằng sự sống tự-nhiên từ tử-chất mà sanh ra.

Luận-chứng của Lecomte du Noüy dựa vào một suy-toán của giáo-sư Charles Eugène Guy, một nhà toán-học Thụy-sĩ đã nhờ phép tính xác-xuất mà định những trường hợp thành-lập một sanh-chất hữu-cơ từ các nguyên-tử.

Giáo-sư Charles Eugène Guy đã lấy làm thí-dụ một phần-tử đản-bạch-tinh đã được đơn-giản-hóa đến một mực thấp hơn những phần-tử đản-bạch-tinh thực-sự rất xa. Phần-tử này chỉ gồm có 1.000 nguyên-tử hýt-rô và 1.000 nguyên-tử các-bon. Cứ theo sự tính-toán của giáo-sư thì 2.000 nguyên-tử nói trên đây phải qui-tập nhau trong số 10^{312} lần (một con số viết bằng con số 1 và 312 con số không tiếp theo nó) mới có được 2,02 lần đúng cách-thức để lập-thành một phần-tử đản-bạch-tinh hữu-cơ.

Muốn cho trường-hợp hết sức hiếm-hoi này xuất-hiện, phải có một khối vật-chất bằng một quả cầu tròn bề bán-kính là 10^{82} năm ánh sáng⁽¹⁾. Và khoảng thời-gian cần-thiết để cho một phần-tử như thế được tạo thành trong một khối vật-chất bằng khối quả đất ta ở là 10^{243} tỉ năm.

Muốn gây ra sự sống, cần phải có hằng trăm triệu phần-tử sanh-chất phức-tạp hơn phần-tử đản-bạch-tinh lấy làm thí-dụ trên đây. Vậy muốn giải-thích sự xuất-hiện của những tế-bào sống, ta phải cần đến những con số lớn hơn những con số nêu ra trên này vạn-bội.

Những nhà khoa-học hiện-đại đã tính rằng quả đất ta ở chỉ xuất-hiện trong vòng năm tỉ năm nay. Như thế, với những phương-pháp khoa-học, người ta không thể giải-thích ngay đến

⁽¹⁾ Ánh sáng mỗi giây chạy được 300.000 cây số. Năm ánh sáng là chiều dài mà một tia ánh sáng chạy suốt được trong một năm, tức là 9,463 tỉ cây số.

những chất cần-thiết để xây-dựng sự sống, chớ đừng nói đến việc xuất-hiện sự sống. Dựa vào lý lẽ trên này, Lecomte du Noüy chủ-trương rằng trong sự tạo thành cái tế-bào sanh-vật đầu tiên, phải có một nguyên-lý bí-mật hướng-dẫn các nguyên-tử trong sự cấu-hợp nhau một cách đặc-biệt để thành ra sanh-chất.

Lý-luận của Charles Eugène Guy và Lecomte du Noüy thật ra hãy còn bị một số nhà khoa-học bắt bẻ. Những nhà khoa-học này cho rằng những nguyên-tử không phải là những vật hoàn-toàn thiếu hoạt-lực, nó có ái-lực đối với nhau và điều này hạn-chế bớt vai-tuồng của sự ngẫu-nhiên. Một mặt khác, hoàn-cảnh thiên-nhiên thuở trước không phải như bây giờ và quả đất ngày xưa có thể có những điều-kiện thích hợp hơn cho việc phát-xuất sự sống. Thêm nữa, thuyết của Lecomte du Noüy và Charles Eugène Guy cũng không phải chứng-minh được một cách trực-tiếp rằng võ-trụ và nhơn-loại do Thượng-Đế tạo ra.

Tuy nhiên, nó cũng làm kém bớt giá-trị những quả-quyết của các học-giả duy-vật cho rằng Thượng-Đế không có, và võ-trụ cùng nhơn-loại tự-nhiên do vật chất mà ra. Nó lại cho ta thấy rằng khoa-học không phải chỉ cung-cấp luận-chứng cho phái phản-đối tôn-giáo, mà cũng cung-cấp luận-chứng cho những người bình-vực tôn-giáo nữa.

Vì đó, người ta thật ra không thể-giải quyết vấn đề tôn-giáo bằng luận-lý. Nếu những người duy-vật cho rằng những định-luật chi-phối vật-chất là những *định-luật khoa-học chỉ do nơi vật-chất mà ra*, những người duy-tâm lại cho rằng, những định-luật ấy là những *định-luật thiên-nhiên do tạo-hóa mà có*. Trong trường-hợp đó, lòng tin có Trời cũng như sự tin rằng không có Trời cần một lòng tín-ngưỡng ở ngoài những chứng-minh khoa-học.

Vả lại, khoa-học cũng chưa phải là một quyền-lực vạn-năng. Từ trước đến giờ, nó chỉ vén một góc màn nhỏ nhặt cho người thấy bên trong bộ máy võ-trụ, chứ chưa giúp cho người hiểu biết võ-trụ một cách hoàn-toàn. Ngay trong những lãnh vực mà khoa-học có thể dùng sự thí-nghiệm để mở rộng những tri-thức của con người, phần mà khoa-học chưa biết so với phần mà khoa-học đã biết thật hãy còn nhiều hơn vạn-bội. Như trong khoa-học sanh-lý nghiên cứu về sự cấu-tạo cơ-thể con người, người ta vẫn chưa đạt đến một sự hiểu biết đủ để đảm bảo đời sống của người một cách chắc chắn đối với sự uy-hiếp của thời-tiết, của các bệnh-căn. Khoa tâm-lý nghiên-cứu về những tình-cảm, những tánh nết, những bản-năng ẩn-áo của con người lại càng thua sút hơn nữa.

Vậy, chính những khoa-học thực-nghiệm có nhiều điều-kiện hơn hết để tối-iến-triển cũng chỉ khám-phá được một phần sự bí mật của võ-trụ mà thôi. Nhưng giá như những nhà khoa-học ấy đã khám-phá hết những sự bí-mật của võ-trụ, người ta cũng chưa có thể dựa vào nó mà giải-quyết vấn đề có Trời hay không có Trời được. Như thế là vì khoa-học từ trước đến giờ, cũng như mãi mãi về sau này, chỉ có thể trả lời được câu hỏi: *“sự việc đã xảy ra như thế nào?”* mà không thể trả lời được câu hỏi *“tại sao nó lại xảy ra như thế ấy”*.

Ta có thể biết rằng hai nguyên-tử hýt-rô hòa-hợp với một nguyên-tử óc-xy để thành ra một phần-tử nước, nhưng ta không thể biết tại sao hýt-rô và óc-xy hòa hợp lại thì thành nước mà không thành một chất khác, cũng không thể biết tại sao hýt-rô và óc-xy lúc nào cũng hòa-hợp lại thành nước chớ không phải khi thì hóa ra nước, khi thì hóa ra chất khác.

Ta cũng có thể đi ngược thời-gian để tìm xem vũ-trụ được cấu tạo như thế nào, nhưng ta không thể biết tại sao nó được cấu-tạo như thế. Hơn nữa, trong sự đi ngược thời-gian này, dầu những luận cứ khoa-học có đưa ta đi xa đến đâu, ta cũng không thể đi đến nguồn gốc ban-sơ của vũ-trụ. Trong tất cả những giả-thuyết được nêu ra, không cái nào đi đến phát-đoan tuyệt-đối của vũ-trụ: người ta chỉ đi đến phát-đoan của một thời-kỳ đang diễn-tiến mà thôi.

Đối với vấn-đề làm cho loài người thối nát từ xưa đến nay là lý-do tồn-tại của con người thì chắc chắn là mãi mãi khoa-học phải chịu bó tay không giải-quyết được.

Ngoài những nhược-điểm trên đây, khoa-học lại còn một nhược-điểm khác nữa, là những giải-pháp của nó cũng chưa phải là luôn luôn hoàn-toàn đúng với sự thật. Trừ toán-học là một khoa-học phần lớn dựa vào luận-lý, chỉ có những khoa-học mà lãnh-vực bao gồm những vật-chất người có thể sờ mó được như hóa-học chẳng hạn mới có thể đưa ra những định-luật có tánh-cách vững chắc. Những ngành khoa-học khác thì chỉ có thể đưa ra những giả-thuyết mà sự chặt chẽ của lý-luận không đủ để bảo-đảm cho sự đúng đắn của nó.

Người ta đã đưa ra nhiều giả-thuyết khác nhau về sự thành-lập thái-dương-hệ, về lịch-sử địa-cầu, về sự phát sanh các sanh-vật và về bao nhiêu vấn-đề khác nữa. Những giả-thuyết này nhiều cái rất được hoan-nginh và được xem là đúng với sự thật. Nhưng chỉ ít lâu sau đó, người ta lại đưa ra những giả-thuyết khác đánh đổ giả-thuyết trước. Giả-thuyết mới này cũng chỉ được nhìn nhận trong một thời-gian, rồi lại bị đánh đổ nữa, và *tấn tuồng cứ tiếp-tục như thế mãi không ngừng*. Cũng có khi hai ba giả-thuyết đưa ra được xem là có lý cả, và người thì bình vực cái này, người thì bình vực cái kia để cãi nhau mãi mà không giải-quyết được vấn-đề.

Chúng ta có thể bảo rằng phạm-vi trong đó khoa-học có thể quả-quyết chắc chắn về sự hiểu biết của mình hết sức nhỏ hẹp, còn phần lớn những sự phát-minh khoa-học chỉ giúp cho con người biết chắc sự lầm lạc trước của mình, nhưng không đưa người đến một sự thật chắc chắn. Trong trường-hợp đó, loài người chưa có thể lấy khoa-học làm một nền tảng vững chắc hoàn-toàn và bắt mọi người phải tin vào đó.

Như thế, khoa-học không thể giải-quyết được những vấn-đề làm cho loài người thối nát từ trước đến giờ. Nó chỉ có thể giúp người hiểu biết thêm vật chất và hiến cho người những phương-tiện để chế-ngự vật-chất hầu nâng cao đời sống vật-chất của mình lên. Về phương-diện tinh-thần, nó không giúp người trấn-áp được những nỗi băn khoăn lo ngại trước sự to rộng vô-cùng của tạo-vật mà lại còn tăng thêm sự băn khoăn lo ngại ấy.

Những giả-thuyết khoa-học hiện-tại bày tỏ cho người thấy rằng, người chỉ là một khối vật-chất do sự tác-động của những nguyên-tử mà thành, và trái đất trên đó con người sống cũng là một khối vật-chất quay cuồng trong một vũ-trụ xung-động không ngừng. Vậy, người chỉ là một hạt bụi lửng lơ trên không-trung, một hạt bụi không biết vì sao mình có và có để làm gì. Hình ảnh trên này tự nhiên không thể đưa đến cho tâm-hồn của người một sự an-ủi gì, trái lại là khác.

Bản-năng sinh-tồn của người không cho phép người cúi đầu khuất-phục trước hình ảnh đó. Nó làm cho người không thể cam-tâm chấp-nhận rằng mình chỉ là một khối vật-chất vì sự ngẫu-nhiên mà biết cảm-xúc, biết suy nghĩ, biết lý-luận và chỉ sống trong một thời-hạn vài mươi năm rồi tan rã, không còn hy-vọng tồn-tại. Bản-năng sinh-tồn của người bắt buộc người phải tìm một cái gì để mà bấu víu vào cho đỡ bớt cảm giác lửng lơ cô-độc, cho bớt sự bấn-khoăn, cho dịu bớt lòng lo âu sợ-hãi trước sự vô-cùng, cho có một điểm hy-vọng soi sáng tương-lai mù mịt của mình. Cái mà bản-năng sinh-tồn xúi giục người tìm kiếm phải là một cái tuyệt-đối và cái tuyệt-đối này, người tìm được không phải bằng lý-trí thuần-túy, mà bằng tấm lòng tín-ngưỡng, chỉ dựa vào lý-luận một phần nào mà thôi.

Đối với một thiểu-số người có năng-khiếu đặc biệt, lẽ sống có thể là khoa-học, là nghệ-thuật, là đạo-đức thuần-túy, là một lý-tưởng nào đó. Nhưng đại-đa-số loài người chỉ có thể lấy sự tin tưởng nơi Thượng-Đế, nơi một oai-quyền chí-công chí-chánh và tối thiêng-liêng điều-khiển loài người, nói tóm lại, lấy tôn-giáo làm lẽ sống cho mình. Chỉ có tôn-giáo mới giải-quyết được những nỗi bấn khoăn, những nỗi lo âu sợ-hãi của họ, chỉ có tôn-giáo mới làm cho họ thấy rằng cuộc đời có ý nghĩa và đáng sống, chỉ có tôn-giáo hứa hẹn cho linh-hồn họ sống một đời sống miên-trường sau khi thể-xác họ chết mới giúp cho họ có đủ can-đảm gánh vác cái gánh nặng của kiếp sống trần-gian.

Như thế, đứng về phương-diện sinh-tồn tinh-thần mà nói thì tôn-giáo hết sức cần-thiết cho con người. Sự cần-thiết này càng được chứng tỏ ở chỗ nhiều người bình-thường không nhìn nhận quyền-oai của Thượng-đế và hết sức chống chọi lại các tôn-giáo, nhưng đến lúc gặp những sự-biến lớn lao, hay đứng trước những cảnh tàn-phá khổ-sở mà sự hàn gắn vượt hẳn quyền-lực của con người, họ lại quay về tìm nguồn an-ủi và hy-vọng nơi tôn-giáo.

Bởi đó, sự hủy-diệt tôn-giáo trở nên một điều hết sức trái với sự sinh-tồn của con người, và vì thế mà không thể nào thực-hiện được. Ở Liên-bang Sô-viết, nhà cầm quyền Cộng-sản từ khi lên nắm chánh-quyền đến nay đã luôn luôn tìm cách quét sạch ảnh-hưởng tôn-giáo trên đất nước Nga. Nhưng mặc dầu họ dùng những phương-pháp hết sức tàn-bạo để đạt mục-đích này, họ cũng không thành-công được. Ý-niệm tôn-giáo của người dân Nga tuy không được bộc-lộ công-khai, nhưng vẫn duy-trì mãi không tiêu-diệt. Và khi trận chiến-tranh Đức Nga nổ bùng, thừa dịp Staline cho phép các giáo-đường mở cửa giảng đạo lại cho tín-đồ để mua lòng các nước Mỹ Anh, tinh-thần tôn-giáo bùng bùng chỗi dậy. Lúc chiến-tranh chấm dứt, chánh-phủ Sô-viết tìm cách hạn-chế trở lại sự bành-trướng của giáo-hội Nga, nhưng người ta vẫn cứ đổ xô đến các giáo-đường bất-chấp cả sự đàn-áp.

Một điều ta nên lưu-ý là thể-hệ thanh-niên Nga hiện-thời đã được sanh-trưởng trong bầu không-khí Cộng-sản, đã được giáo-dục theo phương-pháp duy-vật và được huấn-luyện kỹ càng theo chủ-nghĩa vô-thần, thế mà họ vẫn nhờ tôn-giáo làm cái lẽ sống cao-siêu của đời họ. Điều này chỉ tỏ rằng, chương-trình hủy-diệt tôn-giáo của Cộng-sản ở Nga đã thất-bại hoàn-toàn. Và như thế, chủ-trương hủy-diệt tôn-giáo của nhóm duy-vật chỉ là một chủ-trương sai lầm không thực-hiện được.

Ở các nước bị Nga chiếm đóng và chi-phối sau khi trận thế-giới đại-chiến thứ nhì kết-liệu, sự thất-bại của chương-trình bài-trừ tôn-giáo do bọn Cộng-sản đưa ra lại càng rõ rệt hơn nữa. Những biến-cố làm đẫm máu đất Trung-Âu vào hạ tuần tháng 10 năm 1956 đã chứng tỏ rằng mười năm đàn-áp của bọn vô-thần chẳng những không tiêu-diệt được ảnh-hưởng của Công-giáo La-mã ở Ba-lan và Hung-gia-lợi, mà còn làm cho ảnh-hưởng ấy mạnh hơn lên. Những quan-sát-viên ngoại-quốc đều nhận thấy rằng, nếu hai nước Ba-lan và Hung-gia-lợi tổ-chức những cuộc tuyển-cử tự-do, chắc chắn những nhóm chánh-trị dựa vào Công-giáo sẽ được một đa-số thăm tuyệt-đối, trong khi đảng Cộng-sản sẽ phải thất-bại nặng nề.

Về sự tác-dụng của tôn-giáo đối với xã-hội, hiện nay người ta có nhiều ý-kiến khác nhau. Những người chủ-trương hủy-diệt tôn-giáo chỉ thấy cái hại của nó và gán cho nó tất cả những tội ác gây ra trong thời-đại trước. Những tội ác này có thể gồm trong ba khoản: phản khoa-học, phản đạo-đức và phụng-sự giai-cấp thống-trị bằng cách mê-hoặc dân-chúng, khiến cho họ mất cả ý-chí tranh đấu, cam-tâm cúi đầu khuất-phục giai-cấp cầm quyền. Những người bảo-vệ tôn-giáo thì nhiệt-liệt bài-bác những lời buộc tội trên này, và cho rằng chính tôn-giáo rất hợp với tinh-thần đạo-đức, và luôn luôn chủ-trương bình-vực những người yếu-đuối chống lại người có quyền-thế.

Bình-tâm mà xét luận-lý đôi bên, chúng ta sẽ nhận thấy rằng mỗi bên đều có lý một phần nào. Đối với khoa-học, quả thật tôn-giáo nhiều khi có những hành-động chống chọi lại một cách hết sức mãnh-liệt: những nhà khoa-học Âu-châu thuở trước đã bị giáo-hội Thiên-chúa đàn áp bức bách rất nhiều. Nhưng vì đó mà quả-quyết rằng tôn-giáo quyết-chí giam cầm con người trong chỗ ngu-muội thì có lẽ cũng hơi quá.

Chúng ta nên nhớ rằng, tôn-giáo là một sự cố gắng của loài người để giải-thích những hiện-tượng của vũ-trụ. Những sự giải-thích này đã đành là sai lầm, nhưng sự sai lầm ấy không phải riêng tôn-giáo mới có. Chính nhiều giả-thuyết khoa-học sau một thời-kỳ được mọi người chấp-nhận thì cũng bị chứng tỏ là sai lầm. Xét mọi việc trên quan-điểm tương-đối, ta sẽ thấy rằng, tôn-giáo lúc mới phát-sanh cũng được xem là những hệ-thống có vẻ hợp-lý nhứt trong thời-đại. Chỉ sau này, khi trí óc con người mở mang hơn, nó mới bị cho là không hợp-lý.

Hơn nữa, những nhà khoa-học đầu tiên, chính là những người giáo-chủ hay giáo-sĩ của các tôn-giáo. Những công-trình khoa-học đầu tiên như khoa làm lịch, khoa kiến-trúc, khoa đạc-điền trắc-lượng v.v... phần lớn do họ phát-minh ra.

Những giáo-hội chỉ có những hành-động chống chọi lại khoa-học khi những sự phát minh khoa-học này có hại cho sự vững chãi của nền tảng luận lý nó đưa ra, nghĩa là sau một thời gian nó được tôn sùng, lúc sự tiến triển của trí óc con người đã đưa họ đi xa trình độ hiểu biết của họ khi nền tôn-giáo mới phát sanh ra.

Hành-động này không phải là hành-động đặc biệt của tôn-giáo. Nó chung cho tất cả những chế-độ đã từng thắng lợi và có một oai quyền lâu dài trên xã-hội. Bất cứ hệ thống tư tưởng nào nắm được quyền cai trị xã-hội rồi cũng trở nên bảo-thủ và cương-quyết chống lại những tư-tưởng có

thể làm lung lay bá-quyền của nó. Thí-dụ như có nhà khoa-học nào ở Liên bang Sô-viết mà phát minh được những định luật làm nền tảng cho một học-thuyết đánh đổ được thuyết duy-vật thì chắc chắn nhà khoa-học ấy phải bị đày đi Tây-bá-lợi-á nếu không bị mất đầu trong những khám tối âm-u của cơ quan trinh-sát cộng-sản.

Những thí-dụ mà những người bài trừ tôn-giáo đưa ra để chỉ tỏ rằng tôn-giáo phản đạo-đức kể ra cũng có đúng sự thật. Những tôn-giáo xưa kia đã dùng người làm vật hy-sanh trong những cuộc tế-lễ, và mãi đến một thời-đại gần đây, óc thiên-chấp của các giáo-hội đã gây không biết bao nhiêu cuộc chém giết đẫm máu giữa các dân-tộc và ngay giữa người một dân-tộc nữa. Tất cả những giáo-điều mà các tôn-giáo đưa ra để bắt buộc tín-đồ mình tuân theo cũng không phải đều hoàn-toàn có tánh cách đạo-đức cả. Nhiều nhà chinh-phục đã mượn danh nghĩa truyền bá tôn-giáo mà thi-hành chánh-sách xâm lược của mình.

Nhưng nếu đặt những hành-động tôn-giáo trên này trong khung cảnh thời đại đã sanh ra nó, chúng ta sẽ thấy rằng nó không phải đặc-biệt vì tôn-giáo mà có.

Việc đem giết người để cúng tế thần minh là việc xảy ra lúc người còn ăn thịt đồng-loại sau khi đã hạ sát hay bắt họ trên bãi chiến-trường. Những cuộc tàn sát vì bất đồng tôn-giáo kể ra thì cũng như những cuộc xung đột chém giết nhau vì chánh-kiến khác nhau.

Những cuộc thẩm-phán của các tôn-giáo pháp-đình Âu-châu thuở trước sở dĩ có tính cách rùng rợn ghê gớm như ta thấy là vì thời ấy, sự đối-đãi với các tội-phạm hầy còn dã-man: những tù nơn của nhà vua cũng không hưởng được một chế-độ nơn-đạo hơn những người bị giáo-hội truy-tố. Và lại, ngay đến thế-kỷ nguyên-tử này mà cách đối-đãi của những chánh-phủ thực-dân đối với những nhà cách-mạng ở thuộc-địa và của các chính-phủ cộng- sản và phát xít đối với những người đối-lập chánh-trị cũng không phải là kém sự tàn-nhẫn hơn những giáo-hội trước kia.

Về những người xâm-lược lấy tôn-giáo làm một lợi-khí trong sự chinh-phục những nước khác, chúng ta có thể bảo rằng đó không phải là một hiện-tượng riêng của tôn-giáo: chính những chủ-nghĩa chánh-trị cũng bị những nước đế-quốc xâm-lược lợi dụng. Hiện giờ, ngoài những kẻ đã mắc phải bùa mê của bọn cộng-sản, còn ai không thấy việc các chính- phủ Nga và Tàu dùng chủ-nghĩa cộng-sản để dọn đường cho cuộc chinh-phục thế-giới bằng võ-lực của họ?

Sau cùng, những giáo-điều mà hiện giờ ta xem là phản đạo-đức, cũng như những quan-niệm chánh-trị sai lầm đồng-thời, chỉ là sản-phẩm của sự lầm lạc trong thời-kỳ mà nơn-loại chưa được mở mang về phương-diện trí-tuệ và tinh-thần. Nó chỉ có tánh-cách phản đạo-đức đối với chúng ta là những người đã có một quan-niệm đạo-đức cao hơn. Xã-hội hiện thời dựa vào nhiều quan-niệm đạo-đức mà chúng ta cho là hợp nơn-đạo, vì nó thích hợp với sự sinh-tồn của chúng ta, nhưng có thể sau này, khi tình thế đổi thay, những quan-niệm ấy không còn thích-hợp với sự sinh-tồn của con cháu ta nữa, và sẽ bị coi là phản đạo-đức.

Vậy, những hành-động phản đạo-đức của các tôn-giáo xưa kia vẫn có thật, nhưng nó không phải đặc-biệt vì tôn-giáo mà có. Nó chỉ là sản-phẩm của đời sống lúc ấy.

Ta có thể bảo rằng tôn-giáo không phải là một chế-độ đặc-biệt phản đạo-đức, nó chỉ là cái nòng cốt trên đó những hành-động phản đạo-đức dựa vào để biện-chánh lấy mình mà thôi. Hơn nữa, ảnh-hưởng của tôn-giáo trong sự làm cho phong-tục thuần lương bớt, tuy không phải hoàn-toàn, nhưng cũng không phải là không có. Chính sự hướng-dẫn của tôn-giáo trong mấy ngàn năm đã làm cho con người lần lần vượt khỏi thú-tánh để có tánh-cách nhơn-loại. Đành rằng lý-trí và đạo-đức thuần-túy cũng có dự một phần lớn vào công việc này, nhưng công-lao của tôn-giáo cũng không phải nhỏ.

Đối với xã-hội hiện-tại, tôn-giáo cũng rất cần-thiết để duy-trì đạo-đức. Những người theo quan-niệm duy-vật cho rằng đạo-đức thuần-túy đủ sức lôi kéo con người đi trên con đường nhiệm-vụ. Nhưng sự thật, số người có thể lấy việc phụng-sự đạo-đức thuần-túy làm lẽ sống chỉ chiếm một phần hết sức ít ỏi trong nhơn-loại.

Nếu quan-niệm duy-vật thịnh-hành, đạo-đức sẽ bị suy-đồi mau lẹ lắm, vì đại-đa-số loài người sẽ không còn thấy lý-do gì bắt họ phải sống một cuộc đời đạo-đức nữa. Xét cho kỹ, họ rất có lý mà không cần đến đạo-đức, vì nếu chúng ta chỉ là những khối vật-chất không hiểu căn-nguyên, không biết cứu-cánh của mình, không có hy-vọng gì nơi một cuộc đời mai hậu, chỉ sống trong vòng mấy mươi năm rồi tan thành cát bụi, thì chúng ta không có lý-do gì mà tự kèm thúc lấy mình. Giải-pháp hay hơn hết là tìm cách thỏa-mãn sự sống vật-chất của mình càng nhiều càng tốt, dầu cho điều này có hại cho người khác cũng mặc.

Sự tàn-nhẫn vô-đạo của những nhà cầm quyền cộng-sản đã làm kinh-ngạc hết những người văn-minh thật ra không có lý do gì khác hơn là chủ-trương duy-vật của họ. Khi hy sinh hàng triệu con người để thử dựng lên một chế-độ mới, khi tàn sát đến cả những người bạn đồng-chí nằm sương gối tuyết với mình trong thời-kỳ lao-khổ, họ đã có những hành-động vô-cùng thích-hợp với chủ nghĩa vô-thần của họ.

Như vậy, sự duy-trì tôn-giáo hết sức cần-thiết để giữ con người trên con đường đạo-đức. Vì đối với đại-đa-số con người, chỉ có tôn-giáo mới làm cho đời sống đạo-đức của họ có ý nghĩa và có lý-do tồn-tại.

Về ý-kiến những người chủ-trương bài-trừ tôn-giáo cho rằng tôn-giáo là thuốc mê của dân chúng, chúng ta có thể đem nó gán cho tất cả những lý-luận nào đem sự an-ủi đến cho loài người. Nếu cho rằng dùng lời ngọt dịu khuyên nhủ con người ráng chịu khổ-cực trong hiện-tại để hưởng một đời sống hạnh-phúc hơn trong tương-lai là làm tê liệt tinh-thần tranh-đấu của người và phụng-sự chế-độ bất công đương-hữu, thì chính chủ-nghĩa cộng -sản hiện lấy viễn-ảnh của chế-độ xã-hội tương-lai hô hào dân-chúng các nước bên trong màn sắt thắt lưng buộc bụng làm việc đầu tắt mặt tối suốt ngày để xây-dựng một nền hạnh -phúc mà chắc chắn họ sẽ không được hưởng, hẳn cũng là thuốc mê của dân chúng nốt.

Nói tóm lại, sự tác-dụng của tôn-giáo đã đưa nhiều ảnh-hưởng tốt đến cho xã-hội, nhưng cũng có gây nhiều kết-quả tai-hại làm cho nhiều người có một cảm-tưởng không tốt đối với tôn-giáo. Phủ-nhận những sự tai-hại mà tôn-giáo gây cho loài người là mù quáng, nhưng dựa vào những tai-hại ấy mà kết-luận rằng chế-độ tôn-giáo là một chế-độ cần phải hủy-diệt thì cũng là thiên-vị thái quá.

Ta nên nhớ rằng những sự lầm lỗi của tôn-giáo không phải do bản chất tôn-giáo, mà do vai-tù đấng-chánh-trị của tôn-giáo gây ra. Phàm một hệ-thống tư-tưởng lúc còn phải tranh-đấu để giành quyền-chánh thì thường có tánh-cách cấp-tiến, công-bằng. Nhưng đến khi chế-ngự được xã-hội thì nó cố tìm cách duy-trì thế-lực. Nó trở thành bảo-thủ, vận-dụng hết lực-lượng để đàn áp những tư-tưởng có thể làm lung lay bá-quyền mình.

Trong sự cố-gắng duy-trì thế-lực mình, hệ-thống tư-tưởng ngự-trị trên một xã-hội thường duy-trì luôn cả chế-độ xã-hội nó chế-ngự và thành ra bất-công tàn-bạo. Nó cũng có thể bị những người có dã-tâm lấy làm lợi-khí để phụng-sự quyền-lợi riêng. Chỉ đến khi thế-lực bị đổ vỡ rồi, và cần phải khôi-phục bá-quyền, hoặc tranh-đấu cho sự tồn-tại của mình, nó mới trở về bản-chất và tánh-cách nguyên-thủy của nó.

Tôn-giáo ở trong trường-hợp này, muốn phán-đoán ảnh-hưởng nó trong xã-hội, ta phải xét sự tác-dụng của nó đối với sự sinh-tồn của loài người. Nhưng muốn có một ý-kiến đúng đắn, ta phải xét sự tác-dụng và sự sinh-tồn này trong một thời-đại, một khung cảnh với nhau, chớ không thể lấy sự tác-dụng của tôn-giáo thời xưa đối với sự sinh-tồn của người hiện giờ mà phán-đoán tôn-giáo. Cứ noi theo nguyên-tắc này mà xét, ta có thể bảo rằng dầu sao, tôn-giáo vẫn có một ảnh-hưởng tốt đối với sự sinh-tồn của con người, và sự lầm-lỗi của nó tuy có gây nhiều tai-hại khổ-sở cho người, nhưng chẳng qua cũng chỉ là những lầm-lỗi do manh-tâm của người thừa-hành, chứ không phải do những nguyên-tắc căn-bản của nó mà có.

Xét tình-thế một cách khách-quan, ta có thể bảo rằng với những nguyên-lý cao-thâm của nó, tôn-giáo còn cần-thiết cho con người, khi nào con người chưa đạt được một trí-thức rõ-rệt và chắc chắn về nguồn gốc và cứu-cánh của nhơn-loại.

Những nguyên-lý siêu hình của tôn-giáo giúp cho một số người giải quyết những nỗi băn khoăn thắc mắc của mình. Những giáo-điều căn-bản của những mối đạo có một tinh thần cao quý lại còn đóng góp một phần lớn công-nghiệp vào việc duy-trì đạo-đức cho đại-chúng.

Với tư-cách ấy, tôn-giáo đáng được bảo-vệ chống lại những chủ-trương vô-thần. Nhưng một quốc-gia muốn sống còn được phải cố giữ sao cho sự thờ phụng tôn-giáo khỏi đưa đến những thái-độ quá khích có hại, như óc bảo-thủ, óc mê-tín, lòng nhiệt-tín và tánh thiên-chấp tôn-giáo thường đưa đến những cuộc tranh-chấp tai-hại giữa người trong nước.

Vậy, thái-độ chánh-trị thích-hợp nhất đối với tôn-giáo là dung-nạp nó và bảo-vệ nó, nhưng **đưa nó ra ngoài vòng hoạt-động chánh-trị của người.**

Hết

Trích từ : <http://www.vietnamvanhien.org/chunghiadantocsinhton.pdf>

Như Phong sưu tập

Ngày 17 tháng 6 năm Nhâm Thìn 4891